

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
HĐ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Số: /2022/VHU/HĐTKTHP-LT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 12 năm 2021

LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2021 - 2022 (Đợt 2)

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
1	211INT55201	ĐATN đại học Hệ thống thông tin	12.00	Công nghệ thông tin	3	Đồ án	-	-	-	Hồ Văn Ngọc (01028)	
2	211INT55203	ĐATN đại học Hệ thống thông tin	12.00	Công nghệ thông tin	2	Đồ án	-	-	-	Quách Anh Dũng (01014)	
3	211INT55204	ĐATN đại học Hệ thống thông tin	12.00	Công nghệ thông tin	4	Đồ án	-	-	-	Lương Thái Hiền (01005)	
4	211INT55208	ĐATN đại học Hệ thống thông tin	12.00	Công nghệ thông tin	1	Đồ án	-	-	-	Đỗ Đình Trang (01011)	
5	211INT50201	ĐATN đại học Mạng máy tính	12.00	Công nghệ thông tin	1	Đồ án	-	-	-	Hồ Văn Ngọc (01028)	
6	211INT50203	ĐATN đại học Mạng máy tính	12.00	Công nghệ thông tin	1	Đồ án	-	-	-	Đỗ Đình Trang (01011)	
7	211INT41401	Đồ án chuyên ngành Hệ thống thông tin	2.00	Công nghệ thông tin	3	Tiểu luận	-	-	-	Dương Quang Triết (60165)	
8	211INT41402	Đồ án chuyên ngành Hệ thống thông tin	2.00	Công nghệ thông tin	6	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Nam (07010)	
9	211INT41403	Đồ án chuyên ngành Hệ thống thông tin	2.00	Công nghệ thông tin	6	Tiểu luận	-	-	-	Đỗ Đình Trang (01011)	
10	211INT41404	Đồ án chuyên ngành Hệ thống thông tin	2.00	Công nghệ thông tin	7	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Minh Thi (60151)	
11	211INT41405	Đồ án chuyên ngành Hệ thống thông tin	2.00	Công nghệ thông tin	1	Tiểu luận	-	-	-	Lương Thái Hiền (01005)	
12	211INT50101	TTTN Mạng máy tính	5.00	Công nghệ thông tin	1	Tiểu luận	-	-	-	Hồ Văn Ngọc (01028)	
13	211INT50103	TTTN Mạng máy tính	5.00	Công nghệ thông tin	1	Tiểu luận	-	-	-	Đỗ Đình Trang (01011)	
14	211INT55102	TTTN Công nghệ thông tin	5.00	Công nghệ thông tin	4	Tiểu luận	-	-	-	Lương Thái Hiền (01005)	
15	211INT55103	TTTN Công nghệ thông tin	5.00	Công nghệ thông tin	1	Tiểu luận	-	-	-	Quách Anh Dũng (01014)	
16	211INT55105	TTTN Công nghệ thông tin	5.00	Công nghệ thông tin	16	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Nam (07010)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
17	211INT55106	TTTN Công nghệ thông tin	5.00	Công nghệ thông tin	1	Tiểu luận	-	-	-	Đỗ Đình Trang (01011)	
18	211INT55108	TTTN Công nghệ thông tin	5.00	Công nghệ thông tin	3	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Minh Thi (60151)	
19	211INT44701	Thực tập cơ sở CNTT	2.00	Công nghệ thông tin	2	Tiểu luận	-	-	-	Lương Thái Hiền (01005)	
20	211INT45002	Thực tập cơ sở CNTT	4.00	Công nghệ thông tin	2	Tiểu luận	-	-	-	Lương Thái Hiền (01005)	
21	211INT45003	Thực tập cơ sở CNTT	4.00	Công nghệ thông tin	1	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Minh Thi (60151)	
22	211INT45005	Thực tập cơ sở CNTT	4.00	Công nghệ thông tin	2	Tiểu luận	-	-	-	Hồ Văn Ngọc (01028)	
23	211INT45007	Thực tập cơ sở CNTT	4.00	Công nghệ thông tin	26	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Nam (07010)	
24	211INT45008	Thực tập cơ sở CNTT	4.00	Công nghệ thông tin	1	Tiểu luận	-	-	-	Đỗ Đình Trang (01011)	
25	211INT31001	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Công nghệ thông tin	50	Tiểu luận	-	-	-	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
26	211INT31002	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Công nghệ thông tin	50	Tiểu luận	-	-	-	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
27	211INT31003	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Công nghệ thông tin	50	Tiểu luận	-	-	-	Trần Văn Tiền (60362)	
28	211INT31004	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Công nghệ thông tin	50	Tiểu luận	-	-	-	Trần Văn Tiền (60362)	
29	211INT31005	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Công nghệ thông tin	50	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Nam (07010)	
30	211INT31006	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Công nghệ thông tin	48	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Nam (07010)	
31	211INT31007	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Công nghệ thông tin	47	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Nam (07010)	
32	211INT31008	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Công nghệ thông tin	52	Tiểu luận	-	-	-	Trần Văn Tiền (60362)	
33	211INT31009	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Công nghệ thông tin	46	Tiểu luận	-	-	-	Trần Văn Tiền (60362)	
34	211INT31010	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Công nghệ thông tin	47	Tiểu luận	-	-	-	Trần Văn Tiền (60362)	
35	211INT31011	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Công nghệ thông tin	50	Tiểu luận	-	-	-	Trần Văn Tiền (60362)	
36	211INT20101	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Công nghệ thông tin	68	Bài tập lớn	-	-	-	Nguyễn Thị Diệu Anh (14003)	
37	211INT20110	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Công nghệ thông tin	65	Tiểu luận	-	-	-	Đỗ Đình Trang (01011)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
38	211INT31801	TH Lập trình C++ nâng cao	1.00	Công nghệ thông tin	27	Thực hành	-	-	-	Quách Anh Dũng (01014)	
39	211INT43401	TH Khai phá dữ liệu	1.00	Công nghệ thông tin	24	Thực hành	-	-	-	Dương Quang Triết (60165)	
40	211INT44101	TH Mạng máy tính	1.00	Công nghệ thông tin	22	Thực hành	-	-	-	Hồ Văn Ngọc (01028)	
41	211INT31301	TH Lập trình C++	1.00	Công nghệ thông tin	38	Thực hành	-	-	-	Đỗ Đình Trang (01011)	
42	211INT43801	TH Lập trình trên Windows	1.00	Công nghệ thông tin	32	Thực hành	-	-	-	Lương Thái Hiền (01005)	
43	211INT46501	TH Công nghệ Java	1.00	Công nghệ thông tin	36	Thực hành	-	-	-	Hồ Văn Ngọc (01028)	
44	211INT57901	TH Thiết kế đồ họa cơ bản 2	1.00	Công nghệ thông tin	34	Tiểu luận	-	-	-	Trần Văn Tiền (60362)	
45	211NAS20401	Vật lý đại cương	3.00	Công nghệ thông tin	75	Bài tập lớn	-	-	-	Dương Quang Triết (60165)	
46	211NAS20402	Vật lý đại cương	3.00	Công nghệ thông tin	41	Bài tập lớn	-	-	-	Dương Quang Triết (60165)	
47	211INT20103	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Công nghệ thông tin	75	Bài tập lớn	-	-	-	Nguyễn Thị Diệu Anh (14003)	
48	211INT43701	TH Lập trình trên các thiết bị di động	1.00	Công nghệ thông tin	40	Thực hành	-	-	-	Dương Quang Triết (60165)	
49	211INT43901	TH Lập trình web	1.00	Công nghệ thông tin	35	Thực hành	-	-	-	Nguyễn Thị Nam (07010)	
50	211NAS30701	TH Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	1.00	Công nghệ thông tin	22	Thực hành	-	-	-	Quách Anh Dũng (01014)	
51	211INT30301	Cơ sở dữ liệu	3.00	Công nghệ thông tin	32	Tiểu luận	-	-	-	Đinh Thị Tâm (01045)	
52	211INT43501	TH Lập trình hướng đối tượng	1.00	Công nghệ thông tin	31	Thực hành	-	-	-	Hồ Văn Ngọc (01028)	
53	211INT30605	Nhập môn ngành	2.00	Công nghệ thông tin	64	Tiểu luận	-	-	-	Đinh Thị Tâm (01045)	
54	211INT43201	TH Điện toán đám mây	1.00	Công nghệ thông tin	27	Thực hành	-	-	-	Nguyễn Minh Thi (60151)	
55	211INT30606	Nhập môn ngành	2.00	Công nghệ thông tin	66	Tiểu luận	-	-	-	Đinh Thị Tâm (01045)	
56	211INT43301	TH Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	1.00	Công nghệ thông tin	24	Thực hành	-	-	-	Đinh Thị Tâm (01045)	
57	211INT30602	Nhập môn ngành	2.00	Công nghệ thông tin	66	Tiểu luận	-	-	-	Đỗ Đình Trang (01011)	
58	211INT30604	Nhập môn ngành	2.00	Công nghệ thông tin	70	Tiểu luận	-	-	-	Lương Thái Hiền (01005)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
59	211INT30601	Nhập môn ngành	2.00	Công nghệ thông tin	66	Bài tập lớn	-	-	-	Dương Quang Triết (60165)	
60	211INT30801	TH Cơ sở dữ liệu	1.00	Công nghệ thông tin	23	Thực hành	-	-	-	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)	
61	211INT44301	TH Phân tích thiết kế hệ thống	1.00	Công nghệ thông tin	29	Bài tập lớn	-	-	-	Nguyễn Thị Diệu Anh (14003)	
62	211INT30607	Nhập môn ngành	2.00	Công nghệ thông tin	66	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Minh Thi (60151)	
63	211INT30608	Nhập môn ngành	2.00	Công nghệ thông tin	66	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Minh Thi (60151)	
64	211INT30603	Nhập môn ngành	2.00	Công nghệ thông tin	66	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Minh Thi (60151)	
65	211INT20102	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3.00	Công nghệ thông tin	100	Trắc nghiệm	08h00	25-12-2021	Microsoft Teams	Dương Quang Triết (60165)	
66	211JAP31601	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Đông phương học	51	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Hồng Yến (60316)	
67	211JAP31602	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Đông phương học	50	Tiểu luận	-	-	-	Chu Huỳnh Thanh Thảo (25019)	
68	211JAP31603	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Đông phương học	37	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Hồng Yến (60316)	
69	211JAP31604	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Đông phương học	40	Bài tập lớn	-	-	-	Cao Thị Phương Thảo (25042)	
70	211JAP31701	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Đông phương học	48	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Thanh Hằng (60334)	
71	211JAP47701	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Nhật	2.00	Đông phương học	32	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Hồng Yến (60316)	
72	211JAP58901	TTTN Nhật Bản học	5.00	Đông phương học	5	Báo cáo	-	-	-	Nguyễn Thị Hồng Yến (60316)	
73	211JAP59001	Khóa luận tốt nghiệp	12.00	Đông phương học	2	Khóa luận	-	-	-	Nguyễn Thị Hồng Yến (60316)	
74	211JAP59101	TTTN Ngôn ngữ Nhật	5.00	Đông phương học	10	Báo cáo	-	-	-	Nguyễn Thị Hồng Yến (60316)	
75	211KOR31001	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Đông phương học	40	Bài tập lớn	-	-	-	Cao Thúy Oanh (25004)	
76	211KOR31002	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Đông phương học	40	Bài tập lớn	-	-	-	Cao Thúy Oanh (25004)	
77	211KOR31003	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Đông phương học	40	Bài tập lớn	-	-	-	Cao Thúy Oanh (25004)	
78	211KOR31004	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Đông phương học	41	Bài tập lớn	-	-	-	Cao Thúy Oanh (25004)	
79	211KOR31005	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Đông phương học	42	Bài tập lớn	-	-	-	Cao Thúy Oanh (25004)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
80	211KOR31006	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Đông phương học	40	Bài tập lớn	-	-	-	Cao Thúy Oanh (25004)	
81	211KOR31007	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Đông phương học	42	Bài tập lớn	-	-	-	Cao Thúy Oanh (25004)	
82	211KOR54401	TTTN Hàn Quốc học	5.00	Đông phương học	16	Báo cáo	-	-	-	Chếnh Cao Ngọc Linh (25003)	
83	211KOR54402	TTTN Hàn Quốc học	5.00	Đông phương học	1	Báo cáo	-	-	-	Cao Thúy Oanh (25004)	
84	211JAP42602	Hán tự học tiếng Nhật	2.00	Đông phương học	35	Bài tập lớn	-	-	-	Nguyễn Công Nguyên (25084)	
85	211JAP42601	Hán tự học tiếng Nhật	2.00	Đông phương học	41	Bài tập lớn	-	-	-	Nguyễn Công Nguyên (25084)	
86	211KOR41101	Biên phiên dịch 1	3.00	Đông phương học	41	Bài tập lớn	-	-	-	Phan Thị Hạnh (60144)	
87	211KOR41302	Biên phiên dịch 3	3.00	Đông phương học	39	Bài tập lớn	-	-	-	Phan Thị Hạnh (60144)	
88	211KOR30301	Nhập môn Hàn Quốc học	2.00	Đông phương học	50	Bài tập lớn	-	-	-	Cao Thúy Oanh (25004)	
89	211KOR30305	Nhập môn Hàn Quốc học	2.00	Đông phương học	50	Bài tập lớn	-	-	-	Cao Thúy Oanh (25004)	
90	211JAP46901	Tiếng Nhật tổng hợp nâng cao	3.00	Đông phương học	21	Bài tập lớn	-	-	-	Cao Thị Phương Thảo (25042)	
91	211KOR20105	Tiếng Hàn giao tiếp 1	3.00	Đông phương học	22	Bài tập lớn	-	-	-	Cao Thúy Oanh (25004)	
92	211KOR20201	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3.00	Đông phương học	24	Bài tập lớn	-	-	-	Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)	
93	211KOR30304	Nhập môn Hàn Quốc học	2.00	Đông phương học	50	Bài tập lớn	-	-	-	Cao Thúy Oanh (25004)	
94	211KOR30302	Nhập môn Hàn Quốc học	2.00	Đông phương học	51	Bài tập lớn	-	-	-	Cao Thúy Oanh (25004)	
95	211KOR30306	Nhập môn Hàn Quốc học	2.00	Đông phương học	32	Bài tập lớn	-	-	-	Cao Thúy Oanh (25004)	
96	211JAP30303	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật	2.00	Đông phương học	31	Vấn đáp	09h00	22-12-2021	Microsoft Teams	Mai Thanh Tuyền (60407)	
97	211JAP30301	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật	2.00	Đông phương học	53	Vấn đáp	09h00	22-12-2021	Microsoft Teams	Chu Huỳnh Thanh Thảo (25019)	
98	211JAP30304	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật	2.00	Đông phương học	46	Vấn đáp	13h30	22-12-2021	Microsoft Teams	Mai Thanh Tuyền (60407)	
99	211JAP30302	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật	2.00	Đông phương học	53	Vấn đáp	13h30	22-12-2021	Microsoft Teams	Trần Thị Thanh Hằng (60334)	
100	211JAP30401	Nhập môn ngành Nhật Bản học	2.00	Đông phương học	59	Vấn đáp	09h00	23-12-2021	Microsoft Teams	Nguyễn Thị Hồng Yến (60316)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
101	211KOR30303	Nhập môn Hàn Quốc học	2.00	Đông phương học	52	Vấn đáp	13h30	22-12-2021	Microsoft Teams	Phan Thị Hạnh (60144)	
102	211KOR43301	Tiếng Hàn ngữ pháp nâng cao	3.00	Đông phương học	24	Trắc nghiệm	08h00	24-12-2021	Microsoft Teams	Phan Thị Hạnh (60144)	
103	211KOR20102	Tiếng Hàn giao tiếp 1	3.00	Đông phương học	40	Trắc nghiệm	13h30	24-12-2021	Microsoft Teams	Phan Thị Hạnh (60144)	
104	211ACC30301	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kế toán - Tài chính	63	Tiểu luận	-	-	-	Vũ Thanh Long (02007)	
105	211ACC30302	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kế toán - Tài chính	58	Tiểu luận	-	-	-	Chu Mỹ Hạnh (02078)	
106	211ACC30303	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kế toán - Tài chính	53	Tiểu luận	-	-	-	Vũ Thanh Long (02007)	
107	211ACC30304	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kế toán - Tài chính	52	Tiểu luận	-	-	-	Chu Mỹ Hạnh (02078)	
108	211ACC30305	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kế toán - Tài chính	57	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
109	211ACC42101	Kiến tập chuyên ngành kế toán	1.00	Kế toán - Tài chính	47	Tiểu luận	-	-	-	Vũ Thanh Long (02007)	
110	211ACC42102	Kiến tập chuyên ngành kế toán	1.00	Kế toán - Tài chính	19	Tiểu luận	-	-	-	Vũ Thanh Long (02007)	
111	211ACC42201	Thực tập cơ sở Kế toán	3.00	Kế toán - Tài chính	3	Tiểu luận	-	-	-	Vũ Thanh Long (02007)	
112	211ACC52201	TTTT Kế toán	3.00	Kế toán - Tài chính	6	Tiểu luận	-	-	-	Vũ Thanh Long (02007)	
113	211FIN43801	Thực tập nghề nghiệp Tài chính - Ngân hàng	3.00	Kế toán - Tài chính	36	Báo cáo	-	-	-	Phạm Hoàng Ân (02130)	
114	211FIN53701	TTTT Tài chính - Ngân hàng	5.00	Kế toán - Tài chính	11	Báo cáo	-	-	-	Phạm Hoàng Ân (02130)	
115	211FIN53904	TTTT Quản trị tài chính doanh nghiệp	5.00	Kế toán - Tài chính	9	Báo cáo	-	-	-	Phạm Thị Giang Thùy (05010)	
116	211LAW30201	Trải nghiệm ngành, nghề Luật	1.00	Kế toán - Tài chính	53	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
117	211LAW30202	Trải nghiệm ngành, nghề Luật	1.00	Kế toán - Tài chính	50	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
118	211LAW30203	Trải nghiệm ngành, nghề Luật	1.00	Kế toán - Tài chính	40	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
119	211ACC41002	Kế toán tài chính căn bản	3.00	Kế toán - Tài chính	69	Bài tập lớn	-	-	-	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
120	211ACC41701	Tổ chức bộ máy kế toán	3.00	Kế toán - Tài chính	50	Bài tập lớn	-	-	-	Nguyễn Thành Long (02038)	
121	211FIN30101	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3.00	Kế toán - Tài chính	75	Tiểu luận	-	-	-	Trần Tuấn Anh (60292)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
122	211LAW10101	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	146	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Quốc Hưng (05002)	
123	211LAW10110	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận	-	-	-	Nông Thị Hồng Dung (05028)	
124	211ACC20101	Kế toán đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	68	Bài tập lớn	-	-	-	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
125	211ACC20104	Kế toán đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	70	Bài tập lớn	-	-	-	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
126	211ACC20107	Kế toán đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	80	Bài tập lớn	-	-	-	Nguyễn Thành Long (02038)	
127	211FIN42701	Thị trường tài chính	3.00	Kế toán - Tài chính	72	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Quốc Huy (02069)	
128	211FIN42702	Thị trường tài chính	3.00	Kế toán - Tài chính	64	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Quốc Huy (02069)	
129	211LAW10112	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	148	Tiểu luận	-	-	-	Nông Thị Hồng Dung (05028)	
130	211LAW10113	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thuận An (60356)	
131	211LAW10119	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận	-	-	-	Thái Thị Mai Chân (60349)	
132	211LAW10124	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	123	Tiểu luận	-	-	-	Đinh Thị Hoa (60219)	
133	211LAW10125	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	134	Tiểu luận	-	-	-	Đinh Thị Hoa (60219)	
134	211ACC20102	Kế toán đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	100	Bài tập lớn	-	-	-	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
135	211ACC40601	Kế toán hành chính sự nghiệp	3.00	Kế toán - Tài chính	24	Bài tập lớn	-	-	-	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
136	211FIN42101	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3.00	Kế toán - Tài chính	22	Bài tập lớn	-	-	-	Lê Thị Mai Hương (02106)	
137	211FIN42801	Thuế	3.00	Kế toán - Tài chính	45	Tiểu luận	-	-	-	Phan Hiền Minh (02006)	
138	211FIN43401	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3.00	Kế toán - Tài chính	19	Bài tập lớn	-	-	-	Phạm Thị Giang Thùy (05010)	
139	211LAW10108	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Hữu Nhị (05019)	
140	211LAW10111	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	149	Tiểu luận	-	-	-	Nông Thị Hồng Dung (05028)	
141	211FIN42201	Tài chính quốc tế	3.00	Kế toán - Tài chính	77	Bài tập lớn	-	-	-	Lê Thị Mai Hương (02106)	
142	211LAW10109	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	147	Tiểu luận	-	-	-	Chu Mạnh Hiển (60357)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
143	211PSY45001	Luật lao động	3.00	Kế toán - Tài chính	66	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
144	211FIN41801	Tài chính cá nhân	3.00	Kế toán - Tài chính	31	Tiểu luận	-	-	-	Trần Tuấn Anh (60292)	
145	211LAW10118	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	151	Tiểu luận	-	-	-	Thái Thị Mai Chân (60349)	
146	211LAW10120	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	148	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Minh Khoa (60284)	
147	211FIN41501	Quản trị rủi ro tài chính	3.00	Kế toán - Tài chính	98	Bài tập lớn	-	-	-	Trần Tuấn Anh (60292)	
148	211LAW10105	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	148	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Văn Nhung (05020)	
149	211LAW10106	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Văn Nhung (05020)	
150	211LAW10126	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	98	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Hữu Nhị (05019)	
151	211LAW10127	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	101	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Hữu Nhị (05019)	
152	211LAW10116	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thanh Tú (60290)	
153	211LAW10117	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thanh Tú (60290)	
154	211LAW10122	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	144	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thuận An (60356)	
155	211LAW10123	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	103	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Việt Tú (60355)	
156	211ACC41001	Kế toán tài chính căn bản	3.00	Kế toán - Tài chính	74	Bài tập lớn	-	-	-	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
157	211ACC20103	Kế toán đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	80	Bài tập lớn	-	-	-	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)	
158	211ACC30202	Nhập môn ngành Kế toán	2.00	Kế toán - Tài chính	73	Bài tập lớn	-	-	-	Chu Mỹ Hạnh (02078)	
159	211LAW30101	Nhập môn ngành Luật	2.00	Kế toán - Tài chính	68	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
160	211ACC40701	Kế toán Mỹ	3.00	Kế toán - Tài chính	30	Bài tập lớn	-	-	-	Võ Tấn Liêm (60142)	
161	211ACC41601	Phần Mềm kế toán	3.00	Kế toán - Tài chính	29	Bài tập lớn	-	-	-	Nguyễn Thành Long (02038)	
162	211BUS42501	Phân tích hoạt động kinh doanh	3.00	Kế toán - Tài chính	36	Bài tập lớn	-	-	-	Nguyễn Thành Long (02038)	
163	211FIN30202	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	2.00	Kế toán - Tài chính	65	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Quốc Huy (02069)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
164	211FIN30205	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	2.00	Kế toán - Tài chính	62	Bài tập lớn	-	-	-	Phạm Thị Giang Thùy (05010)	
165	211FIN30206	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	2.00	Kế toán - Tài chính	63	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Quốc Huy (02069)	
166	211LAW10107	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	149	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Hữu Nhị (05019)	
167	211LAW10114	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	143	Tiểu luận	-	-	-	Trịnh Thùy Linh (60133)	
168	211BUS42401	Pháp luật trong kinh doanh	3.00	Kế toán - Tài chính	87	Tiểu luận	-	-	-	Lê Phước Hùng (14002), Nguyễn Việt Tú (60355)	
169	211FIN30201	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	2.00	Kế toán - Tài chính	64	Tiểu luận	-	-	-	Đinh Thế Hiến (60291)	
170	211FIN30204	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	2.00	Kế toán - Tài chính	64	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Hoàng Ân (02130)	
171	211FIN30203	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	2.00	Kế toán - Tài chính	61	Tiểu luận	-	-	-	Trần Lương Mộng Trinh (02080)	
172	211ACC42401	Kế toán tài chính chuyên sâu	3.00	Kế toán - Tài chính	27	Bài tập lớn	-	-	-	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
173	211LAW30102	Nhập môn ngành Luật	2.00	Kế toán - Tài chính	73	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Hữu Thành (60341)	
174	211LAW10103	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Quốc Hưng (05002)	
175	211LAW10121	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Minh Khoa (60284)	
176	211ACC30204	Nhập môn ngành Kế toán	2.00	Kế toán - Tài chính	67	Bài tập lớn	-	-	-	Chu Mỹ Hạnh (02078)	
177	211LAW10104	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	148	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Quốc Hưng (05002)	
178	211ACC41201	Kiểm toán căn bản	3.00	Kế toán - Tài chính	55	Bài tập lớn	-	-	-	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)	
179	211LAW10115	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	150	Tiểu luận	-	-	-	Trịnh Thùy Linh (60133)	
180	211LAW10130	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	153	Tiểu luận	-	-	-	Lê Minh Nhựt (60416)	
181	211LAW10134	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	152	Tiểu luận	-	-	-	Nông Thị Hồng Dung (05028)	
182	211LAW10135	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	151	Tiểu luận	-	-	-	Nông Thị Hồng Dung (05028)	
183	211LAW10131	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	152	Tiểu luận	-	-	-	Nông Thị Hồng Dung (05028)	
184	211LAW10129	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	152	Tiểu luận	-	-	-	Lê Minh Nhựt (60416)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
185	211LAW10102	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	153	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Quốc Hưng (05002)	
186	211LAW10136	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	152	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Văn Nhung (05020)	
187	211LAW10137	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	151	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Văn Nhung (05020)	
188	211LAW10132	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	152	Tiểu luận	-	-	-	Chu Mạnh Hiển (60357)	
189	211LAW10133	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	152	Tiểu luận	-	-	-	Chu Mạnh Hiển (60357)	
190	211LAW10138	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	153	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Minh Khoa (60284)	
191	211LAW10139	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	152	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Minh Khoa (60284)	
192	211LAW10140	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	153	Tiểu luận	-	-	-	Thái Thị Mai Chân (60349)	
193	211LAW10128	Pháp luật đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	153	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thuận An (60356)	
194	211FIN42001	Tài chính doanh nghiệp cơ bản	3.00	Kế toán - Tài chính	44	Trắc nghiệm	08h00	25-12-2021	Microsoft Teams	Trần Lương Mộng Trinh (02080)	
195	211FIN42401	Thanh toán quốc tế	3.00	Kế toán - Tài chính	37	Trắc nghiệm	13h30	25-12-2021	Microsoft Teams	Trần Lương Mộng Trinh (02080)	
196	211FIN41702	Quản trị tài chính	3.00	Kế toán - Tài chính	71	Trắc nghiệm	13h30	24-12-2021	Microsoft Teams	Phạm Thị Giang Thùy (05010)	
197	211FIN41701	Quản trị tài chính	3.00	Kế toán - Tài chính	64	Trắc nghiệm	13h30	24-12-2021	Microsoft Teams	Trần Lương Mộng Trinh (02080)	
198	211FIN41703	Quản trị tài chính	3.00	Kế toán - Tài chính	50	Trắc nghiệm	13h30	24-12-2021	Microsoft Teams	Phạm Thị Giang Thùy (05010)	
199	211FIN41705	Quản trị tài chính	3.00	Kế toán - Tài chính	70	Trắc nghiệm	13h30	24-12-2021	Microsoft Teams	Phạm Hoàng Ân (02130)	
200	211FIN43201	Bảo hiểm	3.00	Kế toán - Tài chính	40	Trắc nghiệm	15h10	23-12-2021	Microsoft Teams	Phạm Hoàng Ân (02130)	
201	211ACC20108	Kế toán đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	48	Trắc nghiệm	08h00	23-12-2021	Microsoft Teams	Vũ Thanh Long (02007)	
202	211ACC20105	Kế toán đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	69	Trắc nghiệm	08h00	23-12-2021	Microsoft Teams	Vũ Thanh Long (02007)	
203	211ACC20106	Kế toán đại cương	3.00	Kế toán - Tài chính	60	Trắc nghiệm	08h00	23-12-2021	Microsoft Teams	Vũ Thanh Long (02007)	
204	211ACC30203	Nhập môn ngành Kế toán	2.00	Kế toán - Tài chính	75	Trắc nghiệm	13h30	23-12-2021	Microsoft Teams	Vũ Thanh Long (02007)	
205	211ACC30201	Nhập môn ngành Kế toán	2.00	Kế toán - Tài chính	83	Trắc nghiệm	13h30	23-12-2021	Microsoft Teams	Vũ Thanh Long (02007)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
206	211BUS30801	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	49	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Minh Xuân Hường (02075)	
207	211BUS30802	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	42	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Minh Xuân Hường (02075)	
208	211BUS51301	TTTN Kinh doanh quốc tế	5.00	Kinh tế - Quản trị	1	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thị Mai Hường (02106)	
209	211BUS51302	TTTN Kinh doanh quốc tế	5.00	Kinh tế - Quản trị	2	Tiểu luận	-	-	-	Mai Thị Hồng Đào (02109)	
210	211BUS51303	TTTN Kinh doanh quốc tế	5.00	Kinh tế - Quản trị	1	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Minh Xuân Hường (02075)	
211	211BUS51304	TTTN Kinh doanh quốc tế	5.00	Kinh tế - Quản trị	8	Tiểu luận	-	-	-	Đinh Nguyệt Bích (02147)	
212	211BUS51305	TTTN Kinh doanh quốc tế	5.00	Kinh tế - Quản trị	4	Tiểu luận	-	-	-	Hoàng Sơn Tùng (60359)	
213	211BUS53702	TTTN Kinh doanh thương mại	5.00	Kinh tế - Quản trị	3	Tiểu luận	-	-	-	Mai Lưu Huy (02116)	
214	211ECO30601	Trải nghiệm ngành, nghề Thương mại điện tử	1.00	Kinh tế - Quản trị	53	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Anh Phúc (60354)	
215	211ECO30602	Trải nghiệm ngành, nghề Thương mại điện tử	1.00	Kinh tế - Quản trị	38	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Diễm (07039)	
216	211ECO30901	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận	-	-	-	Đào Thông Minh (02100)	
217	211HUR30201	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	52	Tiểu luận	-	-	-	Mai Thị Hồng Đào (02109)	
218	211HUR30202	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	48	Tiểu luận	-	-	-	Hoàng Sơn Tùng (60359)	
219	211HUR30203	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	39	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Diễm (07039)	
220	211LOG50101	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Kinh tế - Quản trị	2	Tiểu luận	-	-	-	Đinh Bá Hùng Anh (60076)	
221	211LOG50102	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5.00	Kinh tế - Quản trị	16	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thị Kiều Anh (32003)	
222	211MAN30301	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	66	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
223	211MAN30302	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Minh Xuân Hường (02075)	
224	211MAN30303	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	51	Tiểu luận	-	-	-	Mai Thị Hồng Đào (02109)	
225	211MAN30304	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận	-	-	-	Mai Thị Hồng Đào (02109)	
226	211MAN30305	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	48	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
227	211MAN30306	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	48	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Lệ Hoa (02008)	
228	211MAN30307	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	47	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Lệ Hoa (02008)	
229	211MAN30308	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	47	Tiểu luận	-	-	-	Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
230	211MAN30309	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	48	Tiểu luận	-	-	-	Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
231	211MAN30310	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	62	Tiểu luận	-	-	-	Mai Thị Hồng Đào (02109)	
232	211MAN30311	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	56	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Hòa (08002)	
233	211MAN30312	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Hòa (08002)	
234	211MAN30313	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Hòa (08002)	
235	211MAN42401	Thực tập cơ sở QTKD	3.00	Kinh tế - Quản trị	23	Tiểu luận	-	-	-	Trần Huy Cường (02023)	
236	211MAN42501	Thực tập nghề nghiệp QTKD	3.00	Kinh tế - Quản trị	22	Tiểu luận	-	-	-	Trần Huy Cường (02023)	
237	211MAN52601	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Kinh tế - Quản trị	7	Tiểu luận	-	-	-	Lưu Hoàng Giang (02020)	
238	211MAN52602	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Kinh tế - Quản trị	1	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Hoàng Tiến (60222)	
239	211MAN52603	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Kinh tế - Quản trị	5	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Diễm (07039)	
240	211MAN52604	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Kinh tế - Quản trị	1	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Phương Mai (02011)	
241	211MAN52605	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Kinh tế - Quản trị	2	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
242	211MAN52606	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Kinh tế - Quản trị	10	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
243	211MAN52607	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Kinh tế - Quản trị	6	Tiểu luận	-	-	-	Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
244	211MAN52618	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Kinh tế - Quản trị	2	Tiểu luận	-	-	-	Hồ Cao Việt (02035)	
245	211MAN52621	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Kinh tế - Quản trị	2	Tiểu luận	-	-	-	Hoàng Sơn Tùng (60359)	
246	211MAN52623	TTTN Quản trị kinh doanh	5.00	Kinh tế - Quản trị	1	Tiểu luận	-	-	-	Đào Thông Minh (02100)	
247	211MAR30301	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Phương Mai (02011)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
248	211MAR30302	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Phương Mai (02011)	
249	211MAR30303	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Phương Mai (02011)	
250	211MAR30304	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
251	211MAR30305	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
252	211MAR30306	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Minh Xuân Hường (02075)	
253	211MAR30307	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận	-	-	-	Hoàng Sơn Tùng (60359)	
254	211MAR30308	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận	-	-	-	Hoàng Sơn Tùng (60359)	
255	211MAR30309	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
256	211MAR30310	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
257	211MAR30311	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Hòa (08002)	
258	211MAR30312	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	50	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
259	211MAR30313	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	48	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
260	211MAR52802	TTTN Marketing	5.00	Kinh tế - Quản trị	1	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Phương Mai (02011)	
261	211MAR52803	TTTN Marketing	5.00	Kinh tế - Quản trị	1	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
262	211MAR52804	TTTN Marketing	5.00	Kinh tế - Quản trị	2	Tiểu luận	-	-	-	Mai Thị Hồng Đào (02109)	
263	211MAR52805	TTTN Marketing	5.00	Kinh tế - Quản trị	10	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
264	211MAR52808	TTTN Marketing	5.00	Kinh tế - Quản trị	2	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
265	211MAR52810	TTTN Marketing	5.00	Kinh tế - Quản trị	1	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Minh Xuân Hường (02075)	
266	211SUC30201	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Anh Phúc (60354)	
267	211SUC30202	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	62	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thị Kiều Anh (32003)	
268	211SUC30203	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	62	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Anh Phúc (60354)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
269	211SUC30204	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kinh tế - Quản trị	63	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thị Kiều Anh (32003)	
270	211MCA02701	Toán cao cấp 2	2.00	Kinh tế - Quản trị	3	Bài tập lớn	-	-	-	Lưu Hoàng Giang (02020)	
271	211MAN42301	Thương lượng và quản trị xung đột	3.00	Kinh tế - Quản trị	4	Tiểu luận	-	-	-	Võ Hoàng Bắc (02136)	
272	211BUS10108	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	149	Tiểu luận	-	-	-	Lê Phước Hùng (14002), Trần Anh Dũng (60396)	
273	211BUS10119	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Trần Hữu Ái (02032)	
274	211BUS41301	Chính sách ngoại thương	3.00	Kinh tế - Quản trị	29	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thị Cẩm Nhung (60370)	
275	211BUS42101	Lập kế hoạch kinh doanh	3.00	Kinh tế - Quản trị	63	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Lệ Hoa (02008)	
276	211MAN41201	Quản trị dự án đầu tư	3.00	Kinh tế - Quản trị	37	Tiểu luận	-	-	-	Đinh Bá Hùng Anh (60076)	
277	211MAR20107	Marketing căn bản	3.00	Kinh tế - Quản trị	100	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
278	211MAR41601	Marketing truyền thông xã hội	3.00	Kinh tế - Quản trị	69	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Mộng Thu (02128)	
279	211SUC40901	Quản trị kênh phân phối	3.00	Kinh tế - Quản trị	24	Tiểu luận	-	-	-	Đinh Hoàng Anh Tuấn (60201)	
280	211BUS10106	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	149	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Hòa (08002), Lê Phước Hùng (14002)	
281	211BUS10109	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	148	Tiểu luận	-	-	-	Mai Thị Hồng Đào (02109)	
282	211BUS10110	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Mai Thị Hồng Đào (02109)	
283	211BUS41902	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Kinh tế - Quản trị	71	Tiểu luận	-	-	-	Trần Hữu Ái (02032)	
284	211HUR40401	Đánh giá và phát triển nhân viên	3.00	Kinh tế - Quản trị	36	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Diễm (07039)	
285	211MAN40901	Quản trị chiến lược	3.00	Kinh tế - Quản trị	46	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Hoàng Tiến (60222)	
286	211MAR42001	Quản trị thương hiệu	3.00	Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Lệ Hoa (02008)	
287	211PUR41001	Quan hệ công chúng	3.00	Kinh tế - Quản trị	81	Tiểu luận	-	-	-	Mai Thị Hồng Đào (02109)	
288	211BUS10107	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Mai Lưu Huy (02116), Lê Phước Hùng (14002)	
289	211BUS10111	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Mai Thị Hồng Đào (02109)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
290	211BUS10112	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Mai Thị Hồng Đào (02109)	
291	211BUS10114	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	151	Tiểu luận	-	-	-	Võ Hoàng Bắc (02136)	
292	211BUS10116	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Hòa (08002)	
293	211BUS10117	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	148	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Hòa (08002)	
294	211BUS30202	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Kinh tế - Quản trị	68	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Phương Mai (02011)	
295	211BUS42701	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Kinh tế - Quản trị	54	Tiểu luận	-	-	-	Huỳnh Ánh Nga (02013)	
296	211BUS42704	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Kinh tế - Quản trị	55	Tiểu luận	-	-	-	Võ Hoàng Bắc (02136)	
297	211LOG40101	Quản trị Logistics	3.00	Kinh tế - Quản trị	38	Tiểu luận	-	-	-	Đinh Hoàng Anh Tuấn (60201)	
298	211MAN40603	Quản trị bán hàng	3.00	Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Anh Phúc (60354)	
299	211MAN40801	Quản trị chất lượng	3.00	Kinh tế - Quản trị	44	Tiểu luận	-	-	-	Mai Lưu Huy (02116)	
300	211MAR41401	Marketing quốc tế	3.00	Kinh tế - Quản trị	26	Tiểu luận	-	-	-	Hồ Cao Việt (02035)	
301	211MAR41901	Quản trị marketing dịch vụ	3.00	Kinh tế - Quản trị	73	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
302	211NAS20303	Thống kê ứng dụng	3.00	Kinh tế - Quản trị	72	Bài tập lớn	-	-	-	Hoàng Sơn Tùng (60359)	
303	211NAS20305	Thống kê ứng dụng	3.00	Kinh tế - Quản trị	69	Bài tập lớn	-	-	-	Nguyễn Thị Lệ Hoa (02008)	
304	211SKL20202	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Kinh tế - Quản trị	61	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
305	211SKL20205	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Kinh tế - Quản trị	99	Tiểu luận	-	-	-	Trần Huy Cường (02023)	
306	211SUC41001	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3.00	Kinh tế - Quản trị	24	Tiểu luận	-	-	-	Đinh Bá Hùng Anh (60076)	
307	211BUS10115	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Võ Hoàng Bắc (02136)	
308	211BUS10118	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Hòa (08002)	
309	211BUS10120	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Trần Hữu Ái (02032)	
310	211BUS10121	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Trần Hữu Ái (02032)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
311	211BUS42705	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3.00	Kinh tế - Quản trị	41	Tiểu luận	-	-	-	Võ Hoàng Bắc (02136)	
312	211ECO30402	Kinh tế vĩ mô	3.00	Kinh tế - Quản trị	32	Tiểu luận	-	-	-	Hồ Cao Việt (02035)	
313	211LOG41601	Hệ thống thông tin Logistics và QLCCU	3.00	Kinh tế - Quản trị	29	Tiểu luận	-	-	-	Dương Hương Giang (60393)	
314	211MAN20110	Quản trị học	3.00	Kinh tế - Quản trị	98	Tiểu luận	-	-	-	Lê Phước Hùng (14002), Hoàng Sơn Tùng (60359)	
315	211MAN40601	Quản trị bán hàng	3.00	Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận	-	-	-	Mai Thị Hồng Đào (02109)	
316	211MAN41001	Quản trị dịch vụ	3.00	Kinh tế - Quản trị	81	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Anh Phúc (60354)	
317	211MAR20103	Marketing căn bản	3.00	Kinh tế - Quản trị	77	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Phương Mai (02011)	
318	211MAR40501	E - Marketing	3.00	Kinh tế - Quản trị	58	Tiểu luận	-	-	-	Mai Lưu Huy (02116)	
319	211MAR40902	Marketing dịch vụ	3.00	Kinh tế - Quản trị	67	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
320	211PUR41201	Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội	3.00	Kinh tế - Quản trị	97	Tiểu luận	-	-	-	Bùi Mai Hoàng Lâm (32004)	
321	211SKL20206	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Kinh tế - Quản trị	100	Tiểu luận	-	-	-	Trần Huy Cường (02023)	
322	211SOS10101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Hòa (08002)	
323	211BUS30501	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3.00	Kinh tế - Quản trị	83	Tiểu luận	-	-	-	Hồ Cao Việt (02035)	
324	211BUS30601	Thương mại điện tử	3.00	Kinh tế - Quản trị	32	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
325	211ECO20101	Kinh tế học đại cương	3.00	Kinh tế - Quản trị	35	Tiểu luận	-	-	-	Đào Thông Minh (02100)	
326	211ECO30201	Kinh tế lượng	3.00	Kinh tế - Quản trị	103	Bài tập lớn	-	-	-	Nguyễn Thị Mộng Thu (02128)	
327	211ECO30401	Kinh tế vĩ mô	3.00	Kinh tế - Quản trị	80	Tiểu luận	-	-	-	Hồ Cao Việt (02035)	
328	211HUR40801	Quản trị nhân sự	3.00	Kinh tế - Quản trị	74	Tiểu luận	-	-	-	Huỳnh Ánh Nga (02013)	
329	211HUR40803	Quản trị nhân sự	3.00	Kinh tế - Quản trị	51	Tiểu luận	-	-	-	Võ Hoàng Bắc (02136)	
330	211MAN40701	Quản trị chăm sóc khách hàng	3.00	Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận	-	-	-	Trần Hữu Ái (02032)	
331	211MAN40702	Quản trị chăm sóc khách hàng	3.00	Kinh tế - Quản trị	30	Tiểu luận	-	-	-	Trần Hữu Ái (02032)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
332	211MAR20101	Marketing căn bản	3.00	Kinh tế - Quản trị	101	Tiểu luận	-	-	-	Mai Thị Hồng Đào (02109)	
333	211MAR20104	Marketing căn bản	3.00	Kinh tế - Quản trị	100	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Phương Mai (02011)	
334	211MAR40701	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3.00	Kinh tế - Quản trị	93	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
335	211MAR40901	Marketing dịch vụ	3.00	Kinh tế - Quản trị	79	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Minh Xuân Hường (02075)	
336	211MAR41801	Quản trị marketing	3.00	Kinh tế - Quản trị	101	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
337	211MAR42101	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	3.00	Kinh tế - Quản trị	67	Tiểu luận	-	-	-	Mai Thị Hồng Đào (02109)	
338	211SOS10103	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Kinh tế - Quản trị	99	Tiểu luận	-	-	-	Đinh Nguyệt Bích (02147)	
339	211SOS10105	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Kinh tế - Quản trị	99	Tiểu luận	-	-	-	Đinh Nguyệt Bích (02147)	
340	211SUC40701	Nghiệp vụ hải quan	3.00	Kinh tế - Quản trị	38	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thành Trung (60168)	
341	211BUS10125	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	145	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Lệ Hoa (02008)	
342	211BUS10126	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Lệ Hoa (02008)	
343	211BUS10127	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	145	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Giang Thùy (05010)	
344	211HUR40804	Quản trị nhân sự	3.00	Kinh tế - Quản trị	69	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Diễm (07039)	
345	211MAR40903	Marketing dịch vụ	3.00	Kinh tế - Quản trị	77	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
346	211SKL20201	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Kinh tế - Quản trị	100	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Minh Xuân Hường (02075)	
347	211SKL20210	Kỹ năng hành chính văn phòng	3.00	Kinh tế - Quản trị	71	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Diễm (07039)	
348	211MAN20101	Quản trị học	3.00	Kinh tế - Quản trị	77	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thanh Quân (60375)	
349	211MAN20108	Quản trị học	3.00	Kinh tế - Quản trị	100	Tiểu luận	-	-	-	Phan Công Thanh (10007)	
350	211MAN30208	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Kinh tế - Quản trị	69	Tiểu luận	-	-	-	Trần Huy Cường (02023)	
351	211MAR30203	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Kinh tế - Quản trị	65	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Phương Mai (02011)	
352	211MAR30210	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Kinh tế - Quản trị	65	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Minh Xuân Hường (02075)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
353	211BUS30201	Đạo đức trong kinh doanh	3.00	Kinh tế - Quản trị	100	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Phương Mai (02011)	
354	211BUS41901	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận	-	-	-	Trần Hữu Ái (02032)	
355	211HUR30102	Nhập môn ngành Quản trị nhân sự	2.00	Kinh tế - Quản trị	74	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Diễm (07039)	
356	211MAN20105	Quản trị học	3.00	Kinh tế - Quản trị	100	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
357	211MAN30203	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Kinh tế - Quản trị	62	Tiểu luận	-	-	-	Trần Huy Cường (02023)	
358	211MAN30204	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Kinh tế - Quản trị	65	Tiểu luận	-	-	-	Trần Huy Cường (02023)	
359	211MAN41303	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Kinh tế - Quản trị	100	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Anh Phúc (60354)	
360	211MAR30201	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
361	211MAR30204	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Kinh tế - Quản trị	65	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
362	211NAS20307	Thống kê ứng dụng	3.00	Kinh tế - Quản trị	69	Bài tập lớn	-	-	-	Lưu Hoàng Giang (02020)	
363	211SUC30102	Nhập môn ngành Quản trị chuỗi cung ứng	2.00	Kinh tế - Quản trị	71	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thị Kiều Anh (32003)	
364	211BUS10113	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Võ Hoàng Bắc (02136)	
365	211BUS41701	Hành vi tổ chức	3.00	Kinh tế - Quản trị	35	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Phương Mai (02011)	
366	211ECO30405	Kinh tế vi mô	3.00	Kinh tế - Quản trị	67	Tiểu luận	-	-	-	Đào Thông Minh (02100)	
367	211ECO30501	Nhập môn ngành Thương mại điện tử	2.00	Kinh tế - Quản trị	91	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
368	211MAN30202	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Kinh tế - Quản trị	63	Tiểu luận	-	-	-	Trần Huy Cường (02023)	
369	211MAN40501	Nghệ thuật lãnh đạo	3.00	Kinh tế - Quản trị	31	Tiểu luận	-	-	-	Võ Hoàng Bắc (02136)	
370	211MAR30207	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Kinh tế - Quản trị	62	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Phương Mai (02011)	
371	211MAR42201	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Kinh tế - Quản trị	70	Tiểu luận	-	-	-	Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
372	211NAS20301	Thống kê ứng dụng	3.00	Kinh tế - Quản trị	79	Bài tập lớn	-	-	-	Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
373	211NAS20306	Thống kê ứng dụng	3.00	Kinh tế - Quản trị	70	Bài tập lớn	-	-	-	Lưu Hoàng Giang (02020)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
374	211SUC30104	Nhập môn ngành Quản trị chuỗi cung ứng	2.00	Kinh tế - Quản trị	52	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thị Kiều Anh (32003)	
375	211MAN40903	Quản trị chiến lược	3.00	Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận	-	-	-	Trần Anh Dũng (60396)	
376	211MAR30205	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Kinh tế - Quản trị	65	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
377	211MAR30208	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Kinh tế - Quản trị	68	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
378	211MAR41101	Marketing điện tử	3.00	Kinh tế - Quản trị	73	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Chiêu Mỹ (01006)	
379	211MAR42202	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3.00	Kinh tế - Quản trị	81	Tiểu luận	-	-	-	Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
380	211NAS20302	Thống kê ứng dụng	3.00	Kinh tế - Quản trị	50	Bài tập lớn	-	-	-	Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
381	211BUS10122	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Anh Phúc (60354)	
382	211BUS10123	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Anh Phúc (60354)	
383	211ECO30301	Kinh tế vi mô	3.00	Kinh tế - Quản trị	103	Bài tập lớn	-	-	-	Nguyễn Thị Mộng Thu (02128)	
384	211ECO30801	Nhập môn ngành kinh tế	2.00	Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận	-	-	-	Đào Thông Minh (02100)	
385	211MAN30209	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Kinh tế - Quản trị	75	Tiểu luận	-	-	-	Trần Huy Cường (02023)	
386	211MAN30210	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Kinh tế - Quản trị	75	Tiểu luận	-	-	-	Trần Huy Cường (02023)	
387	211MAR30202	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Kinh tế - Quản trị	65	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Phương Mai (02011)	
388	211BUS30401	Nhập môn ngành Kinh doanh thương mại	2.00	Kinh tế - Quản trị	97	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	
389	211BUS41905	Khởi nghiệp kinh doanh	3.00	Kinh tế - Quản trị	77	Tiểu luận	-	-	-	Mai Lưu Huy (02116)	
390	211MAN30201	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Kinh tế - Quản trị	75	Tiểu luận	-	-	-	Trần Huy Cường (02023)	
391	211MAN41301	Quản trị quan hệ khách hàng	3.00	Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Như Nguyệt (60372)	
392	211MAR41802	Quản trị marketing	3.00	Kinh tế - Quản trị	83	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
393	211NAS20201	Toán cao cấp	3.00	Kinh tế - Quản trị	34	Bài tập lớn	-	-	-	Tổng Mỹ Thanh (60051)	
394	211MAR30206	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Kinh tế - Quản trị	59	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
395	211SOS10102	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Hòa (08002)	
396	211BUS10103	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Hòa (08002)	
397	211ECO30403	Kinh tế vi mô	3.00	Kinh tế - Quản trị	70	Bài tập lớn	-	-	-	Đoàn Thị Vân (27003)	
398	211BUS10101	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	139	Tiểu luận	-	-	-	Trần Anh Dũng (60396)	
399	211BUS41801	Kinh doanh quốc tế	3.00	Kinh tế - Quản trị	46	Tiểu luận	-	-	-	Đinh Nguyệt Bích (02147)	
400	211BUS42301	Nghiệp vụ bán hàng	3.00	Kinh tế - Quản trị	32	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Anh Phúc (60354)	
401	211ECO30406	Kinh tế vi mô	3.00	Kinh tế - Quản trị	87	Bài tập lớn	-	-	-	Đoàn Thị Vân (27003)	
402	211HUR30101	Nhập môn ngành Quản trị nhân sự	2.00	Kinh tế - Quản trị	74	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Diễm (07039)	
403	211MAN20103	Quản trị học	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Lưu Hoàng Giang (02020)	
404	211MAR20105	Marketing căn bản	3.00	Kinh tế - Quản trị	73	Tiểu luận	-	-	-	Cao Thị Thanh Trúc (02022)	
405	211SOS10104	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3.00	Kinh tế - Quản trị	75	Tiểu luận	-	-	-	Đinh Nguyệt Bích (02147)	
406	211BUS10102	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	148	Tiểu luận	-	-	-	Trần Anh Dũng (60396)	
407	211BUS10105	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	148	Tiểu luận	-	-	-	Mai Lưu Huy (02116), Lê Phước Hùng (14002)	
408	211ECO30202	Kinh tế lượng	3.00	Kinh tế - Quản trị	104	Bài tập lớn	-	-	-	Nguyễn Thị Mộng Thu (02128)	
409	211ECO30404	Kinh tế vi mô	3.00	Kinh tế - Quản trị	99	Tiểu luận	-	-	-	Đào Thông Minh (02100)	
410	211SUC30101	Nhập môn ngành Quản trị chuỗi cung ứng	2.00	Kinh tế - Quản trị	72	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thị Kiều Anh (32003)	
411	211BUS10128	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Giang Thùy (05010)	
412	211MAN30205	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận	-	-	-	Lưu Hoàng Giang (02020)	
413	211MAR30209	Nhập môn ngành Marketing	2.00	Kinh tế - Quản trị	67	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Kim Xuyên (08006)	
414	211SUC30103	Nhập môn ngành Quản trị chuỗi cung ứng	2.00	Kinh tế - Quản trị	52	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thị Kiều Anh (32003)	
415	211MAN30206	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Kinh tế - Quản trị	60	Tiểu luận	-	-	-	Lưu Hoàng Giang (02020)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
416	211MAN30207	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2.00	Kinh tế - Quản trị	54	Tiểu luận	-	-	-	Lưu Hoàng Giang (02020)	
417	211BUS10104	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	148	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Hòa (08002)	
418	211BUS10124	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Anh Phúc (60354)	
419	211BUS10129	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	151	Tiểu luận	-	-	-	Mai Thị Hồng Đào (02109)	
420	211BUS10139	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	152	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thanh Quân (60375)	
421	211BUS10136	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	151	Tiểu luận	-	-	-	Trần Hữu Ái (02032)	
422	211BUS10137	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Trần Hữu Ái (02032)	
423	211BUS41001	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - KDTM	1.00	Kinh tế - Quản trị	30	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Hoàng Tiến (60222)	
424	211BUS10130	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Mai Thị Hồng Đào (02109)	
425	211BUS10140	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	151	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thanh Quân (60375)	
426	211HUR40301	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTNS	1.00	Kinh tế - Quản trị	39	Tiểu luận	-	-	-	Mai Lưu Huy (02116)	
427	211MAN40402	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTKD	1.00	Kinh tế - Quản trị	54	Tiểu luận	-	-	-	Mai Lưu Huy (02116)	
428	211BUS10131	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	152	Tiểu luận	-	-	-	Mai Thị Hồng Đào (02109)	
429	211BUS10138	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	152	Tiểu luận	-	-	-	Trần Hữu Ái (02032)	
430	211BUS10132	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	151	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Lệ Hoa (02008)	
431	211BUS10133	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	151	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Lệ Hoa (02008)	
432	211BUS10134	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	151	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Lệ Hoa (02008)	
433	211BUS10135	Tinh thần khởi nghiệp	3.00	Kinh tế - Quản trị	150	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Lệ Hoa (02008)	
434	211MAN40401	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTKD	1.00	Kinh tế - Quản trị	122	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Lệ Hoa (02008)	
435	211MAR40401	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - Marketing	1.00	Kinh tế - Quản trị	76	Thuyết trình	08h00	25-12-21	Microsoft Teams	Phạm Phương Mai (02011)	
436	211LOG40401	Quản trị giao nhận	3.00	Kinh tế - Quản trị	19	Trắc nghiệm	08h00	25-12-2021	Microsoft Teams	Trần Nguyễn Đăng Khoa (60241)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
437	211BIO40101	Kiến tập nghề nghiệp	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	13	Tiểu luận	-	-	-	Huỳnh Đặng Hà Uyên (60254)	
438	211BIO42501	TH Công nghệ lên men thực phẩm	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	15	Thực hành	-	-	-		
439	211BIO42701	TH Kiểm nghiệm vi sinh thực phẩm	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	15	Thực hành	-	-	-		
440	211BIO44401	TH Công nghệ di truyền ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	6	Thực hành	-	-	-		
441	211BIO44501	TH Vi sinh thực phẩm	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	6	Thực hành	-	-	-		
442	211BIO44601	TH Công nghệ sinh học trong chọn giống thủy sản	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	6	Thực hành	-	-	-		
443	211BIO44701	TH Công nghệ sản xuất phân bón sinh học	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	6	Thực hành	-	-	-		
444	211BIO50101	TTTN Công nghệ sinh học	5.00	Kỹ thuật - Công nghệ	7	Tiểu luận	-	-	-	Đinh Thị Thủy (02162)	
445	211BIO50102	TTTN Công nghệ sinh học	5.00	Kỹ thuật - Công nghệ	5	Tiểu luận	-	-	-	Huỳnh Đặng Hà Uyên (60254)	
446	211BIO50201	Khóa luận tốt nghiệp Công nghệ sinh học	12.00	Kỹ thuật - Công nghệ	1	Khóa luận	-	-	-	Trương Phước Thiên Hoàng (60382)	
447	211BIO50202	Khóa luận tốt nghiệp Công nghệ sinh học	12.00	Kỹ thuật - Công nghệ	1	Khóa luận	-	-	-	Phùng Võ Cẩm Hồng (60346)	
448	211ELE31901	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	24	Tiểu luận	-	-	-	Phan Văn Hiệp (01040)	
449	211ELE43301	Thực tập cơ sở Kỹ thuật điện tử, truyền thông	2.00	Kỹ thuật - Công nghệ	1	Tiểu luận	-	-	-	Hồ Lê Anh Hoàng (60143)	
450	211ELE43402	TTTN Kỹ thuật điện tử, truyền thông	3.00	Kỹ thuật - Công nghệ	2	Tiểu luận	-	-	-	Hồ Lê Anh Hoàng (60143)	
451	211FOT30601	TH Kỹ thuật thực phẩm	2.00	Kỹ thuật - Công nghệ	18	Thực hành	-	-	-		
452	211FOT40101	Trải nghiệm ngành, nghề 1	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	14	Tiểu luận	-	-	-	Lâm Đức Cường (60226)	
453	211FOT40301	Kiến tập nghề nghiệp	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	56	Tiểu luận	-	-	-	Trần Phước Nhật Uyên (60246)	
454	211FOT40401	Báo cáo chuyên đề thực tiễn nghề nghiệp của các DN	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	14	Báo cáo	-	-	-	Trần Phước Nhật Uyên (60246)	
455	211FOT40601	TH Công nghệ chế biến và bảo quản nông sản	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	14	Thực hành	-	-	-		
456	211FOT40801	TH Công nghệ chế biến thủy sản, súc sản	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	14	Thực hành	-	-	-		
457	211FOT41001	TH Đánh giá chất lượng cảm quan thực phẩm	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	14	Thực hành	-	-	-		

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
458	211FOT41401	TH Phụ gia thực phẩm	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	14	Thực hành	-	-	-		
459	211FOT41601	TH công nghệ sản xuất cồn, rượu, bia và nước giải khát	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	14	Thực hành	-	-	-		
460	211ELE31301	TH Đo lường và thiết bị đo	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	10	Thực hành	-	-	-	Hồ Lê Anh Hoàng (60143)	
461	211ELE32001	Truyền số liệu và mạng máy tính	2.00	Kỹ thuật - Công nghệ	11	Tiểu luận	-	-	-	Hồ Lê Anh Hoàng (60143)	
462	211ELE43001	TH Kỹ thuật truyền dẫn và chuyển mạch	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	11	Thực hành	-	-	-	Phạm Minh Nam (60364)	
463	211ELE43101	TH Thiết kế vi mạch	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	17	Thực hành	-	-	-	Hồ Nhựt Minh (60390)	
464	211BIO30201	Sinh hóa đại cương	3.00	Kỹ thuật - Công nghệ	9	Tiểu luận	-	-	-	Trần Phước Nhật Uyên (60246)	
465	211ELE31201	TH Điện tử số	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	10	Thực hành	-	-	-	Hồ Lê Anh Hoàng (60143)	
466	211ELE31601	TH Mạch điện tử 1	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	10	Thực hành	-	-	-	Phan Văn Hiệp (01040)	
467	211ELE43201	TH Xử lý số tín hiệu	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	13	Thực hành	-	-	-	Phạm Minh Nam (60364)	
468	211BIO30901	Sinh học phân tử	3.00	Kỹ thuật - Công nghệ	10	Bài tập lớn	-	-	-	Đinh Thị Thủy (02162)	
469	211FOT30101	Nhập môn ngành Công nghệ thực phẩm	2.00	Kỹ thuật - Công nghệ	56	Bài tập lớn	-	-	-	Lâm Đức Cường (60226)	
470	211BIO30101	Di truyền học đại cương	3.00	Kỹ thuật - Công nghệ	7	Bài tập lớn	-	-	-	Đinh Thị Thủy (02162)	
471	211BIO31101	Nhập môn ngành Công nghệ sinh học	2.00	Kỹ thuật - Công nghệ	13	Bài tập lớn	-	-	-	Huỳnh Đặng Hà Uyên (60254)	
472	211ELE31101	Nhập môn ngành Kỹ thuật điện tử, truyền thông	2.00	Kỹ thuật - Công nghệ	22	Bài tập lớn	-	-	-	Phan Văn Hiệp (01040)	
473	211FOT30901	Vi sinh thực phẩm	3.00	Kỹ thuật - Công nghệ	15	Bài tập lớn	-	-	-	Đinh Thị Thủy (02162)	
474	211ELE31801	TH Truyền số liệu và mạng máy tính	1.00	Kỹ thuật - Công nghệ	11	Thực hành	-	-	-	Hồ Lê Anh Hoàng (60143)	
475	211ART46003	Thanh nhạc 5	3.00	Nghệ thuật	1	Biểu diễn	-	-	-	Trương Ngọc Thắng (26002)	
476	211ART46004	Thanh nhạc 5	3.00	Nghệ thuật	1	Biểu diễn	-	-	-	Trương Ngọc Thắng (26002)	
477	211ART44001	Piano phổ thông 3	1.00	Nghệ thuật	10	Biểu diễn	-	-	-	Trương Thị Ngọc Bích (26013)	
478	211ART43405	Piano 5	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Đặng Anh Thanh (60239)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
479	211ART43406	Piano 5	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Đặng Anh Thanh (60239)	
480	211ART45811	Thanh nhạc 3	3.00	Nghệ thuật	1	Biểu diễn	-	-	-	Đỗ Hồng Ân (60397)	
481	211ART43201	Piano 3	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Trần Mai Hồng (26007)	
482	211ART46206	Thanh nhạc 7	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Hà (26018)	
483	211ART43403	Piano 5	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
484	211ART20101	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ	3.00	Nghệ thuật	12	Bài tập lớn	-	-	-	Trần Quang Khả Tuấn (60240)	
485	211ART43404	Piano 5	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
486	211ART45807	Thanh nhạc 3	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Hà (26018)	
487	211ART46009	Thanh nhạc 5	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
488	211ART43401	Piano 5	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Trần Mai Hồng (26007)	
489	211ART30901	Hòa âm 2	3.00	Nghệ thuật	23	Bài tập lớn	-	-	-	Hồ Duy Trường (60188)	
490	211ART43001	Piano 1	3.00	Nghệ thuật	4	Biểu diễn	-	-	-	Trần Mai Hồng (26007)	
491	211ART43003	Piano 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
492	211ART43009	Piano 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
493	211ART43601	Piano 7	3.00	Nghệ thuật	1	Biểu diễn	-	-	-	Trần Mai Hồng (26007)	
494	211ART44511	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
495	211ART44513	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
496	211ART44519	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Đỗ Hồng Ân (60397)	
497	211ART46005	Thanh nhạc 5	3.00	Nghệ thuật	1	Biểu diễn	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Hà (26018)	
498	211ART43205	Piano 3	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Đặng Anh Thanh (60239)	
499	211ART44521	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Đặng Hồng Quang (60418)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
500	211ART44523	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	4	Biểu diễn	-	-	-	Đặng Hồng Quang (60418)	
501	211ART45805	Thanh nhạc 3	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Hà (26018)	
502	211ART43011	Piano 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Trương Thị Hoàng Dung (60318)	
503	211ART43203	Piano 3	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
504	211ART45803	Thanh nhạc 3	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Trương Ngọc Thắng (26002)	
505	211ART45812	Thanh nhạc 3	3.00	Nghệ thuật	1	Biểu diễn	-	-	-	Đỗ Hồng Ân (60397)	
506	211ART43002	Piano 1	3.00	Nghệ thuật	4	Biểu diễn	-	-	-	Trần Mai Hồng (26007)	
507	211ART43004	Piano 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
508	211ART43010	Piano 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
509	211ART43014	Piano 1	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Trương Thị Hoàng Dung (60318)	
510	211ART43202	Piano 3	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Trần Mai Hồng (26007)	
511	211ART44522	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Đặng Hồng Quang (60418)	
512	211ART44524	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	4	Biểu diễn	-	-	-	Đặng Hồng Quang (60418)	
513	211ART43012	Piano 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Trương Thị Hoàng Dung (60318)	
514	211ART43204	Piano 3	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Mạch Thị Mỹ Thanh (26019)	
515	211ART43206	Piano 3	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Đặng Anh Thanh (60239)	
516	211ART43402	Piano 5	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Trần Mai Hồng (26007)	
517	211ART44518	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
518	211ART45802	Thanh nhạc 3	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
519	211ART45804	Thanh nhạc 3	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Trương Ngọc Thắng (26002)	
520	211ART46010	Thanh nhạc 5	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
521	211ART44512	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
522	211ART44514	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
523	211ART23901	Phân tích âm nhạc 2	3.00	Nghệ thuật	19	Bài tập lớn	-	-	-	Hồ Duy Trường (60188)	
524	211ART43005	Piano 1	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Đặng Anh Thanh (60239)	
525	211ART43013	Piano 1	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Trương Thị Hoàng Dung (60318)	
526	211ART44501	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	1	Biểu diễn	-	-	-	Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
527	211ART44509	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	4	Biểu diễn	-	-	-	Đỗ Hồng Ân (60397)	
528	211ART44515	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Đỗ Hồng Ân (60397)	
529	211ART45801	Thanh nhạc 3	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
530	211ART45809	Thanh nhạc 3	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Đoàn Thanh Minh (26017)	
531	211ART46001	Thanh nhạc 5	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Huỳnh Hoàng Cư (26003)	
532	211ART43602	Piano 7	3.00	Nghệ thuật	1	Biểu diễn	-	-	-	Trần Mai Hồng (26007)	
533	211ART44503	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Trương Ngọc Thắng (26002)	
534	211ART44517	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Võ Nguyễn Thành Tâm (60398)	
535	211ART44508	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Đoàn Thanh Minh (26017)	
536	211ART44516	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Đỗ Hồng Ân (60397)	
537	211ART44520	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Đỗ Hồng Ân (60397)	
538	211ART46006	Thanh nhạc 5	3.00	Nghệ thuật	1	Biểu diễn	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Hà (26018)	
539	211ART46208	Thanh nhạc 7	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Đoàn Thanh Minh (26017)	
540	211ART44504	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Trương Ngọc Thắng (26002)	
541	211ART44510	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	4	Biểu diễn	-	-	-	Đỗ Hồng Ân (60397)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
542	211ART46002	Thanh nhạc 5	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Huỳnh Hoàng Cự (26003)	
543	211ART46202	Thanh nhạc 7	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Huỳnh Hoàng Cự (26003)	
544	211ART45808	Thanh nhạc 3	3.00	Nghệ thuật	1	Biểu diễn	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Hà (26018)	
545	211ART45810	Thanh nhạc 3	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Đoàn Thanh Minh (26017)	
546	211ART46008	Thanh nhạc 5	3.00	Nghệ thuật	1	Biểu diễn	-	-	-	Đoàn Thanh Minh (26017)	
547	211ART44505	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Hà (26018)	
548	211ART46205	Thanh nhạc 7	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Hà (26018)	
549	211ART44507	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Đoàn Thanh Minh (26017)	
550	211ART46007	Thanh nhạc 5	3.00	Nghệ thuật	1	Biểu diễn	-	-	-	Đoàn Thanh Minh (26017)	
551	211ART46207	Thanh nhạc 7	3.00	Nghệ thuật	1	Biểu diễn	-	-	-	Đoàn Thanh Minh (26017)	
552	211ART43007	Piano 1	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Trương Thị Hoàng Dung (60318)	
553	211ART44502	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	1	Biểu diễn	-	-	-	Huỳnh Hoàng Cự (26003)	
554	211ART44506	Thanh nhạc 1	3.00	Nghệ thuật	3	Biểu diễn	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Hà (26018)	
555	211ART43006	Piano 1	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Đặng Anh Thanh (60239)	
556	211ART43008	Piano 1	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Trương Thị Hoàng Dung (60318)	
557	211ART45806	Thanh nhạc 3	3.00	Nghệ thuật	4	Biểu diễn	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Hà (26018)	
558	211ART46201	Thanh nhạc 7	3.00	Nghệ thuật	2	Biểu diễn	-	-	-	Huỳnh Hoàng Cự (26003)	
559	211ART35101	Ký xướng âm 5	3.00	Nghệ thuật	14	Vấn đáp	08h00	23-12-2021	Microsoft Teams	Trương Thị Ngọc Bích (26013)	
560	211ART32001	Ký xướng âm 3	3.00	Nghệ thuật	20	Vấn đáp	08h00	25-12-2021	Microsoft Teams	Trương Thị Ngọc Bích (26013)	
561	211ART31601	Ký xướng âm 1	3.00	Nghệ thuật	55	Vấn đáp	08h00	22-12-2021	Microsoft Teams	Trương Thị Ngọc Bích (26013)	
562	211CHI33901	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Ngoại ngữ	53	Tiểu luận	-	-	-	Lai Khai Vinh (60225)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
563	211CHI33902	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Ngoại ngữ	52	Tiểu luận	-	-	-	Lai Khai Vinh (60225)	
564	211CHI33903	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Ngoại ngữ	51	Tiểu luận	-	-	-	Lai Khai Vinh (60225)	
565	211CHI33904	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Ngoại ngữ	50	Tiểu luận	-	-	-	La Thị Thúy Hồng (60350)	
566	211CHI33905	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Ngoại ngữ	49	Tiểu luận	-	-	-	La Thị Thúy Hồng (60350)	
567	211CHI33906	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Ngoại ngữ	59	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
568	211CHI33907	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Ngoại ngữ	57	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
569	211CHI33908	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Ngoại ngữ	55	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
570	211CHI53502	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Ngoại ngữ	12	Tiểu luận	-	-	-	Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
571	211CHI53503	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5.00	Ngoại ngữ	36	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
572	211ENG30801	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Ngoại ngữ	50	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Thanh Hà (60267)	
573	211ENG30802	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Ngoại ngữ	55	Tiểu luận	-	-	-	Đỗ Phát Lợi (25109)	
574	211ENG30901	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Ngoại ngữ	47	Tiểu luận	-	-	-	La Thị Hồng Loan (25106)	
575	211ENG30902	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Ngoại ngữ	46	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Ngọc Loan (60157)	
576	211ENG30903	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Ngoại ngữ	45	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Ngọc Loan (60157)	
577	211ENG30904	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Ngoại ngữ	47	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Ngọc Loan (60157)	
578	211ENG30905	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Ngoại ngữ	48	Tiểu luận	-	-	-	La Thị Hồng Loan (25106)	
579	211ENG30906	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Ngoại ngữ	50	Tiểu luận	-	-	-	Mary Jane P.Julian (60160)	
580	211ENG31101	Trải nghiệm ngành, nghề Biên phiên dịch	1.00	Ngoại ngữ	55	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Vũ Anh Duy (60096)	
581	211ENG31102	Trải nghiệm ngành, nghề Biên phiên dịch	1.00	Ngoại ngữ	40	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thùy Trang (25057)	
582	211ENG31103	Trải nghiệm ngành, nghề Biên phiên dịch	1.00	Ngoại ngữ	40	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thùy Trang (25057)	
583	211ENG31301	Trải nghiệm ngành, nghề Quốc tế học	1.00	Ngoại ngữ	22	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Duy Cường (03003)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
584	211ENG50101	TTTN Ngôn ngữ Anh/TATM	5.00	Ngoại ngữ	29	Tiểu luận	-	-	-	La Thị Hồng Loan (25106)	
585	211ENG50102	TTTN Ngôn ngữ Anh/TATM	5.00	Ngoại ngữ	13	Tiểu luận	-	-	-	Mary Jane P.Julian (60160)	
586	211ENG50301	TTTN Ngôn ngữ Anh/ PPGD BM Tiếng Anh	5.00	Ngoại ngữ	12	Tiểu luận	-	-	-	Đỗ Phát Lợi (25109)	
587	211ENG51103	TTTN Ngôn ngữ Anh/Biên phiên dịch	5.00	Ngoại ngữ	32	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Diệu Ngộ (25037)	
588	211CHI33213	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung	2.00	Ngoại ngữ	57	Tiểu luận	-	-	-	Lai Khai Vinh (60225)	
589	211CHI33215	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung	2.00	Ngoại ngữ	55	Tiểu luận	-	-	-	Lai Khai Vinh (60225)	
590	211CHI33209	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung	2.00	Ngoại ngữ	53	Tiểu luận	-	-	-	Lai Khai Vinh (60225)	
591	211ENG30603	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ PPGD bộ môn TA	2.00	Ngoại ngữ	55	Tiểu luận	-	-	-	Đỗ Phát Lợi (25109)	
592	211ENG30703	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ TATM	2.00	Ngoại ngữ	57	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Ngọc Loan (60157)	
593	211CHI33205	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung	2.00	Ngoại ngữ	49	Tiểu luận	-	-	-	Lai Khai Vinh (60225)	
594	211ENG30705	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ TATM	2.00	Ngoại ngữ	58	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Ngọc Loan (60157)	
595	211ENG31003	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ Biên phiên dịch	2.00	Ngoại ngữ	40	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thùy Trang (25057)	
596	211CHI33202	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung	2.00	Ngoại ngữ	50	Tiểu luận	-	-	-	Lai Khai Vinh (60225)	
597	211CHI33207	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung	2.00	Ngoại ngữ	50	Tiểu luận	-	-	-	Lai Khai Vinh (60225)	
598	211ENG30709	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ TATM	2.00	Ngoại ngữ	55	Tiểu luận	-	-	-	Mary Jane P.Julian (60160)	
599	211ENG31001	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ Biên phiên dịch	2.00	Ngoại ngữ	53	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Vũ Anh Duy (60096)	
600	211CHI33201	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung	2.00	Ngoại ngữ	52	Tiểu luận	-	-	-	Lai Khai Vinh (60225)	
601	211CHI33211	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung	2.00	Ngoại ngữ	59	Tiểu luận	-	-	-	Lai Khai Vinh (60225)	
602	211ENG439101	Tiếng Anh viết 3	3.00	Ngoại ngữ	28	Tiểu luận	-	-	-	Phan Văn Quang (60385)	
603	211ENG31201	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ Quốc tế học	2.00	Ngoại ngữ	22	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Duy Cường (03003)	
604	211ENG30601	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ PPGD bộ môn TA	2.00	Ngoại ngữ	55	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Thanh Hà (60267)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
605	211ENG30701	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ TATM	2.00	Ngoại ngữ	55	Tiểu luận	-	-	-	La Thị Hồng Loan (25106), Nguyễn Vũ Anh Duy (60096)	
606	211ENG31005	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ Biên phiên dịch	2.00	Ngoại ngữ	40	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thùy Trang (25057)	
607	211ENG30502	Ngữ âm, âm vị và hình vị học	3.00	Ngoại ngữ	37	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Vân (25141)	
608	211ENG30707	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ TATM	2.00	Ngoại ngữ	55	Tiểu luận	-	-	-	La Thị Hồng Loan (25106)	
609	211ENG41201	Biên dịch thương mại 1	3.00	Ngoại ngữ	39	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)	
610	211ENG41202	Biên dịch thương mại 1	3.00	Ngoại ngữ	25	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)	
611	211ENG43901	Tiếng Anh viết 3	3.00	Ngoại ngữ	54	Tiểu luận	-	-	-	Đỗ Phát Lợi (25109)	
612	211ENG46501	Dịch viết 1	3.00	Ngoại ngữ	29	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Diệu Ngô (25037)	
613	211ENG30301	Kỹ năng sư phạm	3.00	Ngoại ngữ	24	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Vân (25141)	
614	211ENG30501	Ngữ âm, âm vị và hình vị học	3.00	Ngoại ngữ	34	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Vân (25141)	
615	211ENG42301	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	3.00	Ngoại ngữ	40	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Thanh Hà (60267)	
616	211ENG43801	Tiếng Anh viết 2	3.00	Ngoại ngữ	60	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Vũ Anh Duy (60096)	
617	211ENG45801	Lịch sử quan hệ quốc tế	3.00	Ngoại ngữ	3	Tiểu luận	-	-	-	Parini Alexander Robert (60369)	
618	211ENG46201	Quan hệ quốc tế	3.00	Ngoại ngữ	7	Tiểu luận	-	-	-	Parini Alexander Robert (60369)	
619	211CHI41801	Dịch nói 1	3.00	Ngoại ngữ	43	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thành Long (60332)	
620	211ENG41301	Biên dịch thương mại 2	3.00	Ngoại ngữ	40	Tiểu luận	-	-	-	Huỳnh Hữu Hiền (60394)	
621	211ENG43802	Tiếng Anh viết 2	3.00	Ngoại ngữ	60	Tiểu luận	-	-	-	Châu Thị Khánh Linh (25045)	
622	211ENG46301	Văn hóa ngoại giao	3.00	Ngoại ngữ	7	Tiểu luận	-	-	-	Parini Alexander Robert (60369)	
623	211ENG41801	Lý thuyết biên phiên dịch	3.00	Ngoại ngữ	60	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Tấn Hiệp (25098)	
624	211ENG41101	Luyện dịch 2	3.00	Ngoại ngữ	19	Bài tập lớn	-	-	-	Nguyễn Thị Ngọc Loan (60157)	
625	211ENG42302	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	3.00	Ngoại ngữ	40	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Thanh Hà (60267)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
626	211ENG44001	Tiếp thị và tổ chức sự kiện	3.00	Ngoại ngữ	34	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thị Phượng (25012)	
627	211ENG44801	Văn hóa Mỹ	3.00	Ngoại ngữ	50	Tiểu luận	-	-	-	Jarvis Hugh Eugene (60102)	
628	211ENG47101	Văn hóa Anh - Mỹ	3.00	Ngoại ngữ	56	Tiểu luận	-	-	-	Jarvis Hugh Eugene (60102)	
629	211SKL40101	Chiến thuật giao tiếp trong tiếng Anh	3.00	Ngoại ngữ	36	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Tấn (25151)	
630	211ENG44003	Tiếp thị và tổ chức sự kiện	3.00	Ngoại ngữ	45	Tiểu luận	-	-	-	La Thị Hồng Loan (25106), Ngô Tấn Hiệp (25098)	
631	211CHI33214	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung	2.00	Ngoại ngữ	57	Tiểu luận	-	-	-	Lai Khai Vinh (60225)	
632	211CHI33216	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung	2.00	Ngoại ngữ	55	Tiểu luận	-	-	-	Lai Khai Vinh (60225)	
633	211CHI33210	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung	2.00	Ngoại ngữ	53	Tiểu luận	-	-	-	Lai Khai Vinh (60225)	
634	211ENG30602	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ PPGD bộ môn TA	2.00	Ngoại ngữ	56	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Thanh Hà (60267)	
635	211ENG30604	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ PPGD bộ môn TA	2.00	Ngoại ngữ	55	Tiểu luận	-	-	-	Đỗ Phát Lợi (25109)	
636	211CHI33206	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung	2.00	Ngoại ngữ	49	Tiểu luận	-	-	-	Lai Khai Vinh (60225)	
637	211ENG31004	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ Biên phiên dịch	2.00	Ngoại ngữ	40	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thùy Trang (25057)	
638	211CHI33204	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung	2.00	Ngoại ngữ	50	Tiểu luận	-	-	-	Lai Khai Vinh (60225)	
639	211CHI43501	Dịch viết 2	4.00	Ngoại ngữ	21	Tiểu luận	-	-	-	La Thị Thúy Hồng (60350)	
640	211ENG31202	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ Quốc tế học	2.00	Ngoại ngữ	22	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Duy Cường (03003)	
641	211CHI33208	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung	2.00	Ngoại ngữ	50	Tiểu luận	-	-	-	Lai Khai Vinh (60225)	
642	211ENG30702	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ TATM	2.00	Ngoại ngữ	55	Tiểu luận	-	-	-	La Thị Hồng Loan (25106)	
643	211ENG30710	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ TATM	2.00	Ngoại ngữ	55	Tiểu luận	-	-	-	Mary Jane P.Julian (60160)	
644	211ENG31002	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ Biên phiên dịch	2.00	Ngoại ngữ	53	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Vũ Anh Duy (60096)	
645	211ENG31006	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ Biên phiên dịch	2.00	Ngoại ngữ	40	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thùy Trang (25057)	
646	211CHI33203	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung	2.00	Ngoại ngữ	52	Tiểu luận	-	-	-	Lai Khai Vinh (60225)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
647	211CHI33212	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung	2.00	Ngoại ngữ	59	Tiểu luận	-	-	-	Lai Khai Vinh (60225)	
648	211ENG30704	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ TATM	2.00	Ngoại ngữ	57	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Ngọc Loan (60157)	
649	211ENG30706	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ TATM	2.00	Ngoại ngữ	58	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Ngọc Loan (60157)	
650	211ENG30708	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ TATM	2.00	Ngoại ngữ	55	Tiểu luận	-	-	-	La Thị Hồng Loan (25106)	
651	211CHI20302	Tiếng Trung giao tiếp 1	3.00	Ngoại ngữ	45	Trắc nghiệm	15h10	25-12-2021	Microsoft Teams	Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
652	211ENG42202	Phiên dịch thương mại 2	3.00	Ngoại ngữ	45	Vấn đáp	13h30	22-12-2021	Microsoft Teams	Đồng Thị Khánh Duyên (25027)	
653	211ENG42201	Phiên dịch thương mại 2	3.00	Ngoại ngữ	39	Vấn đáp	08h00	22-12-2021	Microsoft Teams	Đồng Thị Khánh Duyên (25027)	
654	211ENG42601	Tiếng Anh chuyên ngành xuất nhập khẩu	3.00	Ngoại ngữ	39	Trắc nghiệm	08h00	25-12-2021	Microsoft Teams	Ngô Tấn Hiệp (25098)	
655	211ENG42602	Tiếng Anh chuyên ngành xuất nhập khẩu	3.00	Ngoại ngữ	24	Trắc nghiệm	08h00	25-12-2021	Microsoft Teams	Ngô Tấn Hiệp (25098)	
656	211CHI32401	Kỹ năng đọc - viết 1	3.00	Ngoại ngữ	21	Trắc nghiệm	10h00	25-12-2021	Microsoft Teams	Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
657	211CHI32402	Kỹ năng đọc - viết 1	3.00	Ngoại ngữ	31	Trắc nghiệm	10h00	25-12-2021	Microsoft Teams	Phạm Thị Diễm Chi (60099)	
658	211CHI32901	Kỹ năng nghe - nói 3	3.00	Ngoại ngữ	40	Vấn đáp	13h30	22-12-2021	Microsoft Teams	Trương Tư Triển (60286)	
659	211ENG42001	Phiên dịch	3.00	Ngoại ngữ	24	Vấn đáp	08h00	23-12-2021	Microsoft Teams	Đồng Thị Khánh Duyên (25027)	
660	211CHI32803	Kỹ năng nghe - nói 2	3.00	Ngoại ngữ	38	Vấn đáp	13h30	23-12-2021	Microsoft Teams	Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
661	211ENG42101	Phiên dịch thương mại 1	3.00	Ngoại ngữ	37	Vấn đáp	08h00	24-12-2021	Microsoft Teams	Nguyễn Thị Ngọc Loan (60157)	
662	211ENG43001	Tiếng Anh nghe - nói 1	3.00	Ngoại ngữ	34	Vấn đáp	08h00	23-12-2021	Microsoft Teams	Parini Alexander Robert (60369)	
663	211CHI32801	Kỹ năng nghe - nói 2	3.00	Ngoại ngữ	37	Vấn đáp	13h30	23-12-2021	Microsoft Teams	Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
664	211ENG43301	Tiếng Anh nghe - nói 4	3.00	Ngoại ngữ	31	Vấn đáp	13h30	22-12-2021	Microsoft Teams	Jarvis Hugh Eugene (60102)	
665	211ENG41401	Giao tiếp thương mại 1	3.00	Ngoại ngữ	23	Vấn đáp	13h30	24-12-2021	Microsoft Teams	Huỳnh Thanh Bình (25063)	
666	211CHI42001	Dịch viết 1	3.00	Ngoại ngữ	61	Trắc nghiệm	08h00	25-12-2021	Microsoft Teams	Diệp Tuyết Vân (60342)	
667	211ENG43102	Tiếng Anh nghe - nói 2	3.00	Ngoại ngữ	47	Vấn đáp	13h30	23-12-2021	Microsoft Teams	Jarvis Hugh Eugene (60102)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
668	211ENG43103	Tiếng Anh nghe - nói 2	3.00	Ngoại ngữ	44	Vấn đáp	13h30	24-12-2021	Microsoft Teams	Mary Jane P.Julian (60160)	
669	211ENG43201	Tiếng Anh nghe - nói 3	3.00	Ngoại ngữ	50	Vấn đáp	08h00	25-12-2021	Microsoft Teams	Jarvis Hugh Eugene (60102)	
670	211CHI20201	Tiếng Trung giao tiếp 2	3.00	Ngoại ngữ	42	Trắc nghiệm	15h10	22-12-2021	Microsoft Teams	Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
671	211CHI20202	Tiếng Trung giao tiếp 2	3.00	Ngoại ngữ	55	Trắc nghiệm	15h10	22-12-2021	Microsoft Teams	Nguyễn Tấn Trường An (60353)	
672	211ENG43501	Tiếng Anh ngữ pháp 2	3.00	Ngoại ngữ	45	Trắc nghiệm	13h30	25-12-2021	Microsoft Teams	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
673	211ENG43502	Tiếng Anh ngữ pháp 2	3.00	Ngoại ngữ	41	Trắc nghiệm	13h30	25-12-2021	Microsoft Teams	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
674	211ENG43503	Tiếng Anh ngữ pháp 2	3.00	Ngoại ngữ	55	Trắc nghiệm	13h30	25-12-2021	Microsoft Teams	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
675	211ENG46801	Dịch nói 1	3.00	Ngoại ngữ	23	Vấn đáp	08h00	23-12-2021	Microsoft Teams	Nguyễn Thị Vân (25141)	
676	211ENG43504	Tiếng Anh ngữ pháp 2	3.00	Ngoại ngữ	39	Trắc nghiệm	13h30	25-12-2021	Microsoft Teams	Trần Công Nguyên (60081)	
677	211ENG42801	Tiếng Anh đọc 2	3.00	Ngoại ngữ	41	Trắc nghiệm	15h10	24-12-2021	Microsoft Teams	Đỗ Quyết Chiến (25006)	
678	211ENG42802	Tiếng Anh đọc 2	3.00	Ngoại ngữ	43	Trắc nghiệm	15h10	24-12-2021	Microsoft Teams	Đỗ Quyết Chiến (25006)	
679	211ENG42803	Tiếng Anh đọc 2	3.00	Ngoại ngữ	39	Trắc nghiệm	15h10	24-12-2021	Microsoft Teams	Đỗ Quyết Chiến (25006)	
680	211ENG43104	Tiếng Anh nghe - nói 2	3.00	Ngoại ngữ	31	Vấn đáp	13h30	23-12-2021	Microsoft Teams	Mary Jane P.Julian (60160)	
681	211ENG44101	Thư tín thương mại	3.00	Ngoại ngữ	38	Trắc nghiệm	15h10	24-12-2021	Microsoft Teams	La Thị Hồng Loan (25106)	
682	211ENG43401	Tiếng Anh ngữ pháp 1	3.00	Ngoại ngữ	41	Trắc nghiệm	15h10	23-12-2021	Microsoft Teams	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
683	211ENG434104	Tiếng Anh ngữ pháp 1	3.00	Ngoại ngữ	20	Trắc nghiệm	15h10	23-12-2021	Microsoft Teams	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
684	211ENG434103	Tiếng Anh ngữ pháp 1	3.00	Ngoại ngữ	60	Trắc nghiệm	15h10	23-12-2021	Microsoft Teams	Nguyễn Thị Thu Hà (60413)	
685	211ENG42701	Tiếng Anh đọc 1	3.00	Ngoại ngữ	29	Trắc nghiệm	10h00	25-12-2021	Microsoft Teams	Châu Thị Khánh Linh (25045)	
686	211ENG43002	Tiếng Anh nghe - nói 1	3.00	Ngoại ngữ	29	Vấn đáp	08h00	22-12-2021	Microsoft Teams	Parini Alexander Robert (60369)	
687	211ENG20109	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Ngoại ngữ	60	Trắc nghiệm	08h00	22-12-2021	Microsoft Teams	Nguyễn Vũ Anh Duy (60096)	
688	211ENG20108	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Ngoại ngữ	61	Trắc nghiệm	08h00	22-12-2021	Microsoft Teams	Nìm Ngọc Yến (25056)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
689	211ENG20106	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Ngoại ngữ	55	Trắc nghiệm	08h00	22-12-2021	Microsoft Teams	Châu Thị Khánh Linh (25045)	
690	211ENG20107	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Ngoại ngữ	55	Trắc nghiệm	08h00	22-12-2021	Microsoft Teams	Châu Thị Khánh Linh (25045)	
691	211ENG43702	Tiếng Anh viết 1	3.00	Ngoại ngữ	60	Trắc nghiệm	10h00	22-12-2021	Microsoft Teams	Nguyễn Vũ Anh Duy (60096)	
692	211ENG43701	Tiếng Anh viết 1	3.00	Ngoại ngữ	58	Trắc nghiệm	10h00	22-12-2021	Microsoft Teams	Nìm Ngọc Yến (25056)	
693	211ENG43703	Tiếng Anh viết 1	3.00	Ngoại ngữ	38	Trắc nghiệm	10h00	22-12-2021	Microsoft Teams	Nìm Ngọc Yến (25056)	
694	211ENG20101	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Ngoại ngữ	55	Trắc nghiệm	13h30	22-12-2021	Microsoft Teams	Lê Thị Phụng (25012)	
695	211ENG20102	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	22-12-2021	Microsoft Teams	Lê Thị Phụng (25012)	
696	211ENG20103	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	13h30	22-12-2021	Microsoft Teams	Lê Thị Phụng (25012)	
697	211ENG20104	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Ngoại ngữ	60	Trắc nghiệm	13h30	22-12-2021	Microsoft Teams	Nguyễn Thị Diệu Ngộ (25037)	
698	211ENG20105	Tiếng Anh giao tiếp 1	3.00	Ngoại ngữ	62	Trắc nghiệm	13h30	22-12-2021	Microsoft Teams	Nguyễn Thị Diệu Ngộ (25037)	
699	211CHI33502	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	3.00	Ngoại ngữ	39	Trắc nghiệm	08h00	23-12-2021	Microsoft Teams	La Thị Thúy Hồng (60350)	
700	211CHI33503	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	3.00	Ngoại ngữ	35	Trắc nghiệm	08h00	23-12-2021	Microsoft Teams	Hoàng Văn Cường (25128)	
701	211ENG43101	Tiếng Anh nghe - nói 2	3.00	Ngoại ngữ	48	Vấn đáp	08h00	23-12-2021	Microsoft Teams	Jarvis Hugh Eugene (60102)	
702	211CHI33501	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	3.00	Ngoại ngữ	30	Trắc nghiệm	08h00	23-12-2021	Microsoft Teams	Hoàng Văn Cường (25128)	
703	211CHI33803	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	3.00	Ngoại ngữ	40	Trắc nghiệm	10h00	23-12-2021	Microsoft Teams	Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
704	211CHI33802	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	3.00	Ngoại ngữ	42	Trắc nghiệm	10h00	23-12-2021	Microsoft Teams	Lê Ngọc Anh Thư (60371)	
705	211ENG20203	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Ngoại ngữ	38	Trắc nghiệm	08h00	24-12-2021	Microsoft Teams	Nguyễn Thị Vân (25141)	
706	211ENG20205	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Ngoại ngữ	30	Trắc nghiệm	08h00	24-12-2021	Microsoft Teams	Lê Thùy Trang (25057)	
707	211ENG20201	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Ngoại ngữ	60	Trắc nghiệm	08h00	24-12-2021	Microsoft Teams	Nguyễn Vũ Anh Duy (60096)	
708	211ENG20210	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Ngoại ngữ	55	Trắc nghiệm	08h00	24-12-2021	Microsoft Teams	Nguyễn Ngọc Bảo (25043)	
709	211ENG20211	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Ngoại ngữ	60	Trắc nghiệm	08h00	24-12-2021	Microsoft Teams	Lê Thùy Trang (25057)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
710	211ENG20209	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Ngoại ngữ	55	Trắc nghiệm	10h00	24-12-2021	Microsoft Teams	Nguyễn Ngọc Bảo (25043)	
711	211ENG20204	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Ngoại ngữ	54	Trắc nghiệm	10h00	24-12-2021	Microsoft Teams	Ngô Tấn Hiệp (25098)	
712	211ENG20207	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Ngoại ngữ	55	Trắc nghiệm	10h00	24-12-2021	Microsoft Teams	Nìm Ngọc Yến (25056)	
713	211ENG20208	Tiếng Anh giao tiếp 2	3.00	Ngoại ngữ	59	Trắc nghiệm	10h00	24-12-2021	Microsoft Teams	Nìm Ngọc Yến (25056)	
714	211NUR30201	Trải nghiệm ngành, nghề Điều dưỡng	1.00	Y - Dược	46	Báo cáo	-	-	-	Nguyễn Phi Hùng (60340)	
715	211NUR40101	Mô học - Phôi thai học	1.00	Y - Dược	19	Bài tập lớn	-	-	-	Lê Thị Kim Chi (60403)	
716	211NUR40901	Sinh lý bệnh	2.00	Y - Dược	20	Bài tập lớn	-	-	-	Phan Quốc Thành (60345)	
717	211NUR40301	Hóa sinh	2.00	Y - Dược	20	Bài tập lớn	-	-	-	Lê Thị Kim Chi (60403)	
718	211NUR30101	Nhập môn ngành Điều dưỡng	2.00	Y - Dược	46	Bài tập lớn	-	-	-	Nguyễn Phi Hùng (60340)	
719	211NUR40201	TH Mô học - Phôi thai học	1.00	Y - Dược	19	Báo cáo	-	-	-	Lê Thị Kim Chi (60403)	
720	211NUR41001	TH Sinh lý bệnh	1.00	Y - Dược	20	Báo cáo	-	-	-	Phan Quốc Thành (60345)	
721	211NUR40401	TH Hóa sinh	1.00	Y - Dược	20	Báo cáo	-	-	-	Lê Thị Kim Chi (60403)	
722	211NUR40601	TH Vi sinh	1.00	Y - Dược	18	Báo cáo	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Quyên (60404)	
723	211NUR40801	TH Ký sinh trùng	1.00	Y - Dược	19	Báo cáo	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Quyên (60404)	
724	211HOS30701	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Du lịch	83	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Xuân Hào (03005)	
725	211HOS30702	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Du lịch	81	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Xuân Hào (03005)	
726	211HOS30703	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Du lịch	80	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Xuân Hào (03005)	
727	211HOS30704	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Khoa Du lịch	80	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Xuân Hào (03005)	
728	211HOS30901	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTKS	2.00	Khoa Du lịch	49	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Xuân Hào (03005)	
729	211HOS30902	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTKS	2.00	Khoa Du lịch	18	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Xuân Hào (03005)	
730	211HOS40901	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1.00	Khoa Du lịch	47	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Xuân Hào (03005)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
731	211HOS43001	Trải nghiệm ngành, nghề 2 QTKS	2.00	Khoa Du lịch	67	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Xuân Hào (03005)	
732	211HOS44501	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTNH & DVAU	2.00	Khoa Du lịch	32	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Xuân Hào (03005)	
733	211HOS44701	Trải nghiệm ngành, nghề 3 QTNH & DVAU	2.00	Khoa Du lịch	17	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Xuân Hào (03005)	
734	211HOS53501	TTTN Quản trị khách sạn	5.00	Khoa Du lịch	31	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Xuân Hào (03005)	
735	211HOS53701	TTTN Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	5.00	Khoa Du lịch	8	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Xuân Hào (03005)	
736	211TOU32101	Trải nghiệm ngành, nghề 1 Du lịch	1.00	Khoa Du lịch	56	Tiểu luận	-	-	-	Phùng Anh Kiên (03007)	
737	211TOU32102	Trải nghiệm ngành, nghề 1 Du lịch	1.00	Khoa Du lịch	25	Tiểu luận	-	-	-	Phùng Anh Kiên (03007)	
738	211TOU42201	Trải nghiệm ngành, nghề 2 Du lịch	1.00	Khoa Du lịch	5	Tiểu luận	-	-	-	Phùng Anh Kiên (03007)	
739	211TRA41301	Điền dã lý hành	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận	-	-	-	Phùng Anh Kiên (03007)	
740	211TRA41302	Điền dã lý hành	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận	-	-	-	Phùng Anh Kiên (03007)	
741	211TRA41303	Điền dã lý hành	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận	-	-	-	Phùng Anh Kiên (03007)	
742	211TRA41304	Điền dã lý hành	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận	-	-	-	Phùng Anh Kiên (03007)	
743	211TRA41305	Điền dã lý hành	1.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận	-	-	-	Phùng Anh Kiên (03007)	
744	211TRA41306	Điền dã lý hành	1.00	Khoa Du lịch	24	Tiểu luận	-	-	-	Phùng Anh Kiên (03007)	
745	211TRA43501	Thực tập nghiệp vụ 1 quản trị DVDL-LH	3.00	Khoa Du lịch	10	Tiểu luận	-	-	-	Phùng Anh Kiên (03007)	
746	211TRA53501	TTTN Quản trị dịch vụ du lịch và lý hành	3.00	Khoa Du lịch	10	Tiểu luận	-	-	-	Phùng Anh Kiên (03007)	
747	211TRA53601	TTTN Quản trị dịch vụ du lịch và lý hành	5.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận	-	-	-	Phùng Anh Kiên (03007)	
748	211TRA53602	TTTN Quản trị dịch vụ du lịch và lý hành	5.00	Khoa Du lịch	26	Tiểu luận	-	-	-	Phùng Anh Kiên (03007)	
749	211TRA53603	TTTN Quản trị dịch vụ du lịch và lý hành	5.00	Khoa Du lịch	7	Tiểu luận	-	-	-	Phùng Anh Kiên (03007)	
750	211TRA53901	Học kỳ doanh nghiệp QTDVĐL&LH khóa 2018	11.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Diễm Tuyết (03009)	
751	211TRA53902	Học kỳ doanh nghiệp QTDVĐL&LH khóa 2018	11.00	Khoa Du lịch	11	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Đại Lưỡng (60376)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
752	211TRA53903	Học kỳ doanh nghiệp QTDVDL&LH khóa 2018	11.00	Khoa Du lịch	8	Tiểu luận	-	-	-	Ngô An (03111)	
753	211TRA53904	Học kỳ doanh nghiệp QTDVDL&LH khóa 2018	11.00	Khoa Du lịch	10	Tiểu luận	-	-	-	Trần Trọng Lễ (60297)	
754	211TRA53905	Học kỳ doanh nghiệp QTDVDL&LH khóa 2018	11.00	Khoa Du lịch	15	Tiểu luận	-	-	-	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
755	211TRA53906	Học kỳ doanh nghiệp QTDVDL&LH khóa 2018	11.00	Khoa Du lịch	13	Tiểu luận	-	-	-	Phùng Anh Kiên (03007)	
756	211TRA53907	Học kỳ doanh nghiệp QTDVDL&LH khóa 2018	11.00	Khoa Du lịch	6	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Thủy (03117)	
757	211TRA53908	Học kỳ doanh nghiệp QTDVDL&LH khóa 2018	11.00	Khoa Du lịch	7	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Lưu Diễm Phúc (60252)	
758	211TRA53909	Học kỳ doanh nghiệp QTDVDL&LH khóa 2018	11.00	Khoa Du lịch	12	Tiểu luận	-	-	-	Vũ Thị Thu Hương (03112)	
759	211TRA53910	Học kỳ doanh nghiệp QTDVDL&LH khóa 2018	11.00	Khoa Du lịch	10	Tiểu luận	-	-	-	Trần Công Danh (60223)	
760	211TRA43001	Tư vấn và kinh doanh trực tuyến	3.00	Khoa Du lịch	45	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Mỹ Ôn (60233)	
761	211TOU41701	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3.00	Khoa Du lịch	15	Tiểu luận	-	-	-	Trần Ngọc Trinh (03113)	
762	211HOS30103	Lễ tân và quản trị hoạt động lưu trú	3.00	Khoa Du lịch	64	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thúy Vy (03119)	
763	211HOS41901	Phương pháp xây dựng khẩu phần thực đơn	3.00	Khoa Du lịch	65	Tiểu luận	-	-	-	Bùi Mai Hoàng Lâm (32004)	
764	211TRA30701	Thiết kế tour	3.00	Khoa Du lịch	34	Tiểu luận	-	-	-	Phùng Anh Kiên (03007)	
765	211HOS43201	Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh lưu trú	3.00	Khoa Du lịch	82	Tiểu luận	-	-	-	Bùi Mai Hoàng Lâm (32004)	
766	211HOS30501	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Khách sạn	3.00	Khoa Du lịch	70	Tiểu luận	-	-	-	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)	
767	211HOS30503	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Khách sạn	3.00	Khoa Du lịch	65	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thúy Oanh (03063)	
768	211HOS41301	Đại cương khu du lịch	3.00	Khoa Du lịch	98	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Tấn Trung (60061)	
769	211HOS41701	Nghiệp vụ nhà hàng	3.00	Khoa Du lịch	35	Tiểu luận	-	-	-	Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	
770	211HOS42401	Quản trị Khu du lịch	3.00	Khoa Du lịch	102	Tiểu luận	-	-	-	Phan Trần Tuyền (60059)	
771	211HOS42901	Tiếp thị trong kinh doanh dịch vụ lưu trú	3.00	Khoa Du lịch	53	Tiểu luận	-	-	-	Phan Trần Tuyền (60059)	
772	211HOS45101	Dịch vụ chăm sóc khách hàng	3.00	Khoa Du lịch	44	Tiểu luận	-	-	-	Bùi Thị Ngọc Trâm (60331)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
773	211TRA30101	Các tuyến điểm du lịch nội địa	3.00	Khoa Du lịch	48	Tiểu luận	-	-	-	Trần Công Danh (60223)	
774	211TRA30501	Tiếng Anh ngành Lễ hành	3.00	Khoa Du lịch	46	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Hoàng Mỹ Thanh (03077)	
775	211HOS30201	Quản trị dịch vụ ăn uống	3.00	Khoa Du lịch	103	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Tấn Trung (60061)	
776	211HOS41302	Đại cương khu du lịch	3.00	Khoa Du lịch	44	Tiểu luận	-	-	-	Bùi Thị Ngọc Trâm (60331)	
777	211HOS41601	Kinh tế du lịch khách sạn	3.00	Khoa Du lịch	31	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)	
778	211HOS41602	Kinh tế du lịch khách sạn	3.00	Khoa Du lịch	52	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)	
779	211HOS42701	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Khách sạn và Khu Du lịch	3.00	Khoa Du lịch	61	Tiểu luận	-	-	-	Hồ Thị Phượng (03067)	
780	211HOS42702	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Khách sạn và Khu Du lịch	3.00	Khoa Du lịch	59	Tiểu luận	-	-	-	Hồ Thị Phượng (03067)	
781	211TRA42601	Tiếng Anh chuyên ngành QTLH	3.00	Khoa Du lịch	58	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)	
782	211HOS41502	Giao tiếp trong kinh doanh du lịch	3.00	Khoa Du lịch	37	Tiểu luận	-	-	-	Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	
783	211TRA41001	Các nền văn minh cổ ở Việt Nam	3.00	Khoa Du lịch	24	Tiểu luận	-	-	-	Trần Trọng Lễ (60297)	
784	211HOS42001	Quản lý doanh thu và chi phí	3.00	Khoa Du lịch	34	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Long Trâm Anh (60377)	
785	211TRA41502	Hoạt náo	3.00	Khoa Du lịch	20	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Quốc Thệ (03115)	
786	211TRA42101	Quản trị điểm đến	3.00	Khoa Du lịch	46	Tiểu luận	-	-	-	Trần Trọng Lễ (60297)	
787	211HOS41401	Đánh giá chất lượng dịch vụ trong khách sạn - nhà hàng	3.00	Khoa Du lịch	51	Tiểu luận	-	-	-	Phan Trần Tuyên (60059)	
788	211TRA30504	Tiếng Anh ngành Lễ hành	3.00	Khoa Du lịch	54	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)	
789	211TRA42401	Quy hoạch du lịch	3.00	Khoa Du lịch	27	Tiểu luận	-	-	-	Ngô An (03111)	
790	211TRA30102	Các tuyến điểm du lịch nội địa	3.00	Khoa Du lịch	46	Tiểu luận	-	-	-	Trần Công Danh (60223)	
791	211HOS43301	Quản trị bán hàng trong du lịch	3.00	Khoa Du lịch	14	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thúy Vy (03119)	
792	211HOS31101	Quản trị tiệc	3.00	Khoa Du lịch	70	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Hiền 2 (60273)	
793	211HOS41501	Giao tiếp trong kinh doanh du lịch	3.00	Khoa Du lịch	59	Tiểu luận	-	-	-	Lê Hoàng Quang Dinh (03010)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
794	211HOS30502	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Khách sạn	3.00	Khoa Du lịch	60	Tiểu luận	-	-	-	Vũ Thị Hồng Vân (03091)	
795	211HOS41001	Dịch vụ cung cấp tiệc bên ngoài	3.00	Khoa Du lịch	30	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Đức Hiếu (03120)	
796	211HOS44801	Tiếng Anh chuyên ngành QTNH & DVAU	3.00	Khoa Du lịch	40	Tiểu luận	-	-	-	TRỊNH MAI PHƯƠNG (60275)	
797	211TRA40801	Bán và tiếp thị trong lữ hành	3.00	Khoa Du lịch	43	Tiểu luận	-	-	-	Phùng Anh Kiên (03007)	
798	211TRA42201	Quản trị sự kiện du lịch	3.00	Khoa Du lịch	25	Tiểu luận	-	-	-	Phùng Anh Kiên (03007)	
799	211TOU30601	Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý du lịch	3.00	Khoa Du lịch	77	Trắc nghiệm	13h30	23-12-2021	Microsoft Teams	Trương Thị Thanh Tuyền (03118)	
800	211GRA60101	Triết học	4.00	Viện Sau đại học	14	Tiểu luận	-	-	-	Đoàn Thị Nhẹ (05051)	
801	211MAN60901	Quản trị dự án	2.00	Viện Sau đại học	29	Tiểu luận	-	-	-	Trần Huy Hoàng (60314)	
802	211UVHTP60101	Thi pháp học	2.00	Viện Sau đại học	37	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Ngọc Hiền (60406)	
803	211TOU61201	Quản lý nhà nước về du lịch	2.00	Viện Sau đại học	51	Tiểu luận	-	-	-	Lê Anh Tuấn (60409)	
804	211MAN606201	Quản trị nhân sự	3.00	Viện Sau đại học	49	Tiểu luận	-	-	-	Trần Anh Dũng (60396)	
805	211MAN60501	Quản trị dự án	3.00	Viện Sau đại học	18	Tiểu luận	-	-	-	Trần Huy Hoàng (60314)	
806	211MAN60601	Quản trị nhân sự	3.00	Viện Sau đại học	48	Tiểu luận	-	-	-	Trần Anh Dũng (60396)	
807	211UVHPB60701	Lý luận, phê bình văn học phương Tây và Việt Nam	3.00	Viện Sau đại học	39	Tiểu luận	-	-	-	Hồ Khánh Vân (60405)	
808	211BUS60101	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3.00	Viện Sau đại học	19	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Tấn Hiệp (25098)	
809	211MAN60301	Quản trị chiến lược	3.00	Viện Sau đại học	46	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Minh Đức (60411)	
810	211TOU60201	Marketing điểm đến du lịch	3.00	Viện Sau đại học	23	Tiểu luận	-	-	-	Lưu Văn Phú (60408)	
811	211TRA60101	Quản lý lữ hành	3.00	Viện Sau đại học	51	Tiểu luận	-	-	-	Thân Trọng Thụy (02061)	
812	211UVHHD50901	Văn xuôi Việt Nam hiện đại	3.00	Viện Sau đại học	40	Tiểu luận	-	-	-	Phan Mạnh Hùng (60410)	
813	211UVHTD60401	Thi pháp văn học trung đại Việt Nam	3.00	Viện Sau đại học	39	Tiểu luận	-	-	-	Lê Quang Trường (60412)	
814	211ECO60202	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Viện Sau đại học	39	Tiểu luận	-	-	-	Hồ Cao Việt (02035)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
815	211ECO60201	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.00	Viện Sau đại học	50	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Kim Hồng (60247)	
816	211LIT31201	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Xã hội - Truyền thông	77	Tiểu luận	-	-	-	Trương Thị Thúy Hằng (04041)	
817	211LIT44801	Thực tập cơ sở Văn học	4.00	Xã hội - Truyền thông	7	Báo cáo	-	-	-	Hồ Văn Quốc (04129)	
818	211LIT44802	Thực tập cơ sở Văn học	4.00	Xã hội - Truyền thông	11	Tiểu luận	-	-	-	Trương Thị Thúy Hằng (04041)	
819	211LIT44803	Thực tập cơ sở Văn học	4.00	Xã hội - Truyền thông	1	Báo cáo	-	-	-	Hồ Văn Quốc (04129)	
820	211LIT54601	TTTN Văn học	5.00	Xã hội - Truyền thông	6	Báo cáo	-	-	-	Hồ Văn Quốc (04129)	
821	211LIT54602	TTTN Văn học	5.00	Xã hội - Truyền thông	15	Tiểu luận	-	-	-	Trương Thị Thúy Hằng (04041)	
822	211MMC30201	Trải nghiệm ngành, nghề Truyền thông đa phương tiện	1.00	Xã hội - Truyền thông	40	Báo cáo	-	-	-	Huỳnh Vũ Thạch (60295)	
823	211MMC30202	Trải nghiệm ngành, nghề Truyền thông đa phương tiện	1.00	Xã hội - Truyền thông	44	Báo cáo	-	-	-	Huỳnh Vũ Thạch (60295)	
824	211MMC30203	Trải nghiệm ngành, nghề Truyền thông đa phương tiện	1.00	Xã hội - Truyền thông	40	Báo cáo	-	-	-	Huỳnh Vũ Thạch (60295)	
825	211PSY31401	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Xã hội - Truyền thông	38	Báo cáo	-	-	-	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)	
826	211PSY31402	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Xã hội - Truyền thông	38	Báo cáo	-	-	-	Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
827	211PSY31403	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Xã hội - Truyền thông	38	Báo cáo	-	-	-	Trần Thị Thu Vân (04115)	
828	211PSY31404	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Xã hội - Truyền thông	36	Báo cáo	-	-	-	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
829	211PSY44301	Kiến tập nghề nghiệp	1.00	Xã hội - Truyền thông	13	Báo cáo	-	-	-	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)	
830	211PSY44302	Kiến tập nghề nghiệp	1.00	Xã hội - Truyền thông	11	Báo cáo	-	-	-	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
831	211PSY44303	Kiến tập nghề nghiệp	1.00	Xã hội - Truyền thông	25	Báo cáo	-	-	-	Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
832	211PSY44304	Kiến tập nghề nghiệp	1.00	Xã hội - Truyền thông	2	Báo cáo	-	-	-	Trần Thị Thu Vân (04115)	
833	211PSY45201	TH Tổng hợp về tham vấn tâm lý tại cơ sở (trường học)	4.00	Xã hội - Truyền thông	30	Báo cáo	-	-	-		
834	211PSY45202	TH Tổng hợp về tham vấn tâm lý tại cơ sở (trường học)	4.00	Xã hội - Truyền thông	12	Báo cáo	-	-	-		
835	211PSY54701	TTTN Tâm lý học	5.00	Xã hội - Truyền thông	21	Báo cáo	-	-	-	Trần Thị Thu Vân (04115)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
836	211PSY54702	TTTN Tâm lý học	5.00	Xã hội - Truyền thông	11	Báo cáo	-	-	-	Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
837	211PSY54703	TTTN Tâm lý học	5.00	Xã hội - Truyền thông	17	Báo cáo	-	-	-	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
838	211PSY54704	TTTN Tâm lý học	5.00	Xã hội - Truyền thông	12	Báo cáo	-	-	-	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)	
839	211PUR30201	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Xã hội - Truyền thông	45	Báo cáo	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
840	211PUR30202	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Xã hội - Truyền thông	41	Báo cáo	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
841	211PUR30203	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Xã hội - Truyền thông	40	Báo cáo	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
842	211PUR30204	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Xã hội - Truyền thông	40	Báo cáo	-	-	-	Nguyễn Linh Có (60294)	
843	211PUR30205	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Xã hội - Truyền thông	40	Báo cáo	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
844	211PUR30206	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Xã hội - Truyền thông	48	Báo cáo	-	-	-	Nguyễn Linh Có (60294)	
845	211PUR30207	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Xã hội - Truyền thông	46	Báo cáo	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
846	211PUR30208	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Xã hội - Truyền thông	45	Báo cáo	-	-	-	Nguyễn Linh Có (60294)	
847	211PUR52001	TTTN Quan hệ công chúng	5.00	Xã hội - Truyền thông	17	Báo cáo	-	-	-	Mai Thị Hồng Đào (02109)	
848	211PUR52002	TTTN Quan hệ công chúng	5.00	Xã hội - Truyền thông	35	Báo cáo	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
849	211SOC31201	Trải nghiệm ngành, nghề	1.00	Xã hội - Truyền thông	29	Báo cáo	-	-	-	Nguyễn Thị Minh Giang (16008)	
850	211SOC42301	Thực tập cơ sở Xã hội học	2.00	Xã hội - Truyền thông	2	Báo cáo	-	-	-	Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
851	211SOC54201	TTTN Xã hội học	5.00	Xã hội - Truyền thông	29	Báo cáo	-	-	-	Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
852	211SOC30701	Phương pháp nghiên cứu định lượng	3.00	Xã hội - Truyền thông	10	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
853	211POL10501	Triết học Mác - Lênin	3.00	Xã hội - Truyền thông	151	Tiểu luận	-	-	-	Huỳnh Văn Giàu (05050)	
854	211PSY31201	Tâm lý học phát triển	3.00	Xã hội - Truyền thông	21	Tiểu luận	-	-	-	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)	
855	211PUR44101	Truyền thông doanh nghiệp	3.00	Xã hội - Truyền thông	59	Bài tập lớn	-	-	-	Ao Thu Hoài (60306)	
856	211PUR49001	Trình bày sản phẩm truyền thông	3.00	Xã hội - Truyền thông	59	Bài tập lớn	-	-	-	Ao Thu Hoài (60306)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
857	211SKL10103	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn A Say (11006)	
858	211SOC42901	Xã hội học gia đình	3.00	Xã hội - Truyền thông	12	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
859	211NAS10102	Môi trường và con người	3.00	Xã hội - Truyền thông	119	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Minh Giang (16008)	
860	211NAS10103	Môi trường và con người	3.00	Xã hội - Truyền thông	120	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Minh Giang (16008)	
861	211POL10301	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3.00	Xã hội - Truyền thông	147	Tiểu luận	-	-	-	Hồ Ngọc Khương (60311)	
862	211POL10503	Triết học Mác - Lênin	3.00	Xã hội - Truyền thông	133	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Văn Ngọc (60303)	
863	211SOS10201	Văn hiến Việt Nam	3.00	Xã hội - Truyền thông	119	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
864	211SOS10202	Văn hiến Việt Nam	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
865	211SOS20301	Các nền văn minh thế giới	3.00	Xã hội - Truyền thông	78	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thành Đạo (05007)	
866	211SOS20407	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Xã hội - Truyền thông	112	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
867	211LIT44101	Tiếng Anh chuyên ngành Văn học	3.00	Xã hội - Truyền thông	26	Tiểu luận	-	-	-	Đồng Thị Khánh Duyên (25027)	
868	211POL10502	Triết học Mác - Lênin	3.00	Xã hội - Truyền thông	152	Tiểu luận	-	-	-	Huỳnh Văn Giàu (05050)	
869	211PUR43901	Nghiên cứu thị trường	3.00	Xã hội - Truyền thông	58	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Kim Xuyến (08006)	
870	211SKL10101	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	149	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn A Say (11006)	
871	211SKL10119	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	149	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Lợi (10006)	
872	211SKL10120	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Lợi (10006)	
873	211SKL10127	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Lê Dương Khắc Minh (60387)	
874	211SOS10207	Văn hiến Việt Nam	3.00	Xã hội - Truyền thông	71	Tiểu luận	-	-	-	Hồ Văn Quốc (04129)	
875	211SOS10208	Văn hiến Việt Nam	3.00	Xã hội - Truyền thông	70	Tiểu luận	-	-	-	Hồ Văn Quốc (04129)	
876	211SOS20506	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Xã hội - Truyền thông	80	Tiểu luận	-	-	-	Trương Thị Thúy Hằng (04041)	
877	211VIE20104	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Xã hội - Truyền thông	98	Tiểu luận	-	-	-	Trương Thị Thúy Hằng (04041)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
878	211NAS10101	Môi trường và con người	3.00	Xã hội - Truyền thông	149	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Minh Giang (16008)	
879	211NAS10104	Môi trường và con người	3.00	Xã hội - Truyền thông	120	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Minh Giang (16008)	
880	211NAS10110	Môi trường và con người	3.00	Xã hội - Truyền thông	86	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Quốc Hưng (05002)	
881	211POL10102	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3.00	Xã hội - Truyền thông	149	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Quang Ty (05015)	
882	211PSY20102	Tâm lý học đại cương	3.00	Xã hội - Truyền thông	41	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
883	211PSY31101	Tâm lý học nhân cách	3.00	Xã hội - Truyền thông	55	Bài tập lớn	-	-	-	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
884	211PSY44901	Nhập môn trị liệu tâm lý	3.00	Xã hội - Truyền thông	32	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Thu Vân (04115)	
885	211SKL10108	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Lê Dương Khắc Minh (60387)	
886	211SKL10111	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	149	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
887	211SKL10112	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn A Say (11006)	
888	211SOS10203	Văn hiến Việt Nam	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
889	211SOS20404	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Xã hội - Truyền thông	102	Tiểu luận	-	-	-	Hồ Văn Quốc (04129)	
890	211SOS20405	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Xã hội - Truyền thông	108	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Thu Vân (04115)	
891	211SOS20501	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Xã hội - Truyền thông	79	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thành Đạo (05007)	
892	211SOS20502	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Xã hội - Truyền thông	96	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thành Đạo (05007)	
893	211LIT43801	Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông	3.00	Xã hội - Truyền thông	14	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Lợi (10006)	
894	211NAS10111	Môi trường và con người	3.00	Xã hội - Truyền thông	98	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Quốc Hưng (05002)	
895	211NAS10112	Môi trường và con người	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Quốc Hưng (05002)	
896	211POL10105	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Dương Đức Hưng (05005)	
897	211PSY30501	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học	3.00	Xã hội - Truyền thông	14	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
898	211SKL10106	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Đỗ Tùng (16002)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
899	211SKL10113	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn A Say (11006)	
900	211SKL10116	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
901	211SOS10205	Văn hiến Việt Nam	3.00	Xã hội - Truyền thông	80	Tiểu luận	-	-	-	Đoàn Trọng Thiều (04002)	
902	211SOS10206	Văn hiến Việt Nam	3.00	Xã hội - Truyền thông	100	Tiểu luận	-	-	-	Đoàn Trọng Thiều (04002)	
903	211VIE20103	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Xã hội - Truyền thông	100	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn A Say (11006)	
904	211NAS10107	Môi trường và con người	3.00	Xã hội - Truyền thông	98	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thành Đạo (05007)	
905	211PSY20101	Tâm lý học đại cương	3.00	Xã hội - Truyền thông	95	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)	
906	211SKL10122	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	149	Tiểu luận	-	-	-	Lê Dương Khắc Minh (60387)	
907	211SOS20505	Giao tiếp đa văn hóa	3.00	Xã hội - Truyền thông	140	Tiểu luận	-	-	-	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)	
908	211NAS10108	Môi trường và con người	3.00	Xã hội - Truyền thông	138	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thành Đạo (05007)	
909	211NAS10109	Môi trường và con người	3.00	Xã hội - Truyền thông	125	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thành Đạo (05007)	
910	211LIT30701	Nhập môn ngành Văn học	2.00	Xã hội - Truyền thông	78	Tiểu luận	-	-	-	Trương Thị Thúy Hằng (04041)	
911	211SKL10125	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Hương (04042)	
912	211LIT32301	Văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX	3.00	Xã hội - Truyền thông	25	Tiểu luận	-	-	-	Trương Thị Thúy Hằng (04041)	
913	211POL10101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Ngô Quang Ty (05015)	
914	211PUR30305	Nhập môn PR	2.00	Xã hội - Truyền thông	48	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
915	211PSY30402	Nhập môn ngành Tâm lý học	2.00	Xã hội - Truyền thông	45	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
916	211PSY30403	Nhập môn ngành Tâm lý học	2.00	Xã hội - Truyền thông	46	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
917	211MMC30102	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Xã hội - Truyền thông	41	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
918	211PSY45101	Tâm lý học lao động	3.00	Xã hội - Truyền thông	10	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Văn Phương (04078)	
919	211PUR30302	Nhập môn PR	2.00	Xã hội - Truyền thông	52	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
920	211PUR30306	Nhập môn PR	2.00	Xã hội - Truyền thông	46	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
921	211SKL10104	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	148	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Đỗ Tùng (16002)	
922	211SKL10105	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Đỗ Tùng (16002)	
923	211PSY30401	Nhập môn ngành Tâm lý học	2.00	Xã hội - Truyền thông	59	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Hồng Thái (04014)	
924	211PUR30303	Nhập môn PR	2.00	Xã hội - Truyền thông	52	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Thu Thảo (02107)	
925	211SOS20401	Các vấn đề xã hội đương đại	3.00	Xã hội - Truyền thông	126	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Đỗ Tùng (16002)	
926	211NAS10106	Môi trường và con người	3.00	Xã hội - Truyền thông	100	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thành Đạo (05007)	
927	211SKL10134	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Lợi (10006)	
928	211SKL10135	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Lợi (10006)	
929	211MMC30101	Nhập môn ngành Truyền thông đa phương tiện	2.00	Xã hội - Truyền thông	84	Tiểu luận	-	-	-	Huỳnh Vũ Thạch (60295)	
930	211SKL10102	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	149	Tiểu luận	-	-	-	Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)	
931	211SKL10124	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Lợi (10006)	
932	211SKL10118	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
933	211SKL10126	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	149	Tiểu luận	-	-	-	Lê Dương Khắc Minh (60387)	
934	211SKL10133	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Lợi (10006)	
935	211SOS10209	Văn hiến Việt Nam	3.00	Xã hội - Truyền thông	114	Tiểu luận	-	-	-	Đoàn Trọng Thiều (04002)	
936	211SKL10131	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
937	211SOC30501	Nhập môn ngành Xã hội học	2.00	Xã hội - Truyền thông	30	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Minh Giang (16008)	
938	211SKL10109	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Hương (04042)	
939	211SKL10121	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	148	Tiểu luận	-	-	-	Trần Thị Lợi (10006)	
940	211PSY42101	Nghiệp vụ quản trị nhân sự	3.00	Xã hội - Truyền thông	13	Tiểu luận	-	-	-	Phan Thị Liễu (60147)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
941	211SKL10110	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)	
942	211SKL10117	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Hồng Thủy (04005)	
943	211PSY30801	Tâm lý học gia đình	3.00	Xã hội - Truyền thông	52	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Ngọc (60392)	
944	211PUR30301	Nhập môn PR	2.00	Xã hội - Truyền thông	53	Tiểu luận	-	-	-	Huỳnh Mỹ Hằng (60220)	
945	211PUR30304	Nhập môn PR	2.00	Xã hội - Truyền thông	54	Tiểu luận	-	-	-	Huỳnh Mỹ Hằng (60220)	
946	211SKL10107	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	148	Tiểu luận	-	-	-	Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)	
947	211SKL10114	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Hương (04042)	
948	211SKL10115	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	148	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Hương (04042)	
949	211SKL10123	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)	
950	211VIE20102	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3.00	Xã hội - Truyền thông	90	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Hương (04042)	
951	211PSY43301	Tâm lý học thần kinh	2.00	Xã hội - Truyền thông	33	Bài tập lớn	-	-	-	Võ Thị Minh Chí (60420)	
952	211LIT32001	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	3.00	Xã hội - Truyền thông	24	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Hương (04042)	
953	211PSY42301	Những vấn đề tình yêu, hôn nhân và gia đình	3.00	Xã hội - Truyền thông	71	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Ngọc (60392)	
954	211SKL10140	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Hương (04042)	
955	211PSY42302	Những vấn đề tình yêu, hôn nhân và gia đình	3.00	Xã hội - Truyền thông	30	Tiểu luận	-	-	-	Nguyễn Thị Ngọc (60392)	
956	211PUR30307	Nhập môn PR	2.00	Xã hội - Truyền thông	45	Tiểu luận	-	-	-	Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)	
957	211SKL10136	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Lê Dương Khắc Minh (60387)	
958	211SKL10130	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)	
959	211SKL10139	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Giang Thùy (05010)	
960	211SKL10132	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Phạm Thị Giang Thùy (05010)	
961	211SKL10138	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Lê Dương Khắc Minh (60387)	

Stt	Lớp HP	Tên HP	Số TC	Khoa CQ	Số SV thi	HT thi	Giờ thi	Ngày thi	Phòng thi	Giảng viên	Ghi chú
962	211SKL10128	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Lê Dương Khắc Minh (60387)	
963	211SKL10137	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	149	Tiểu luận	-	-	-	Lê Dương Khắc Minh (60387)	
964	211SKL10129	Phương pháp học đại học	3.00	Xã hội - Truyền thông	150	Tiểu luận	-	-	-	Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)	
965	211MMC40701	Kỹ thuật Audio Video	3.00	Xã hội - Truyền thông	23	Bài tập lớn	-	-	-	Phan Nguyên Vĩnh (60388)	

Ghi chú:

- Sinh viên xem Lịch thi chi tiết (ngày thi, giờ thi) tại Cổng thông tin sinh viên (<http://portal.vhu.edu.vn/>);
- Sinh viên phải hoàn thành học phí để đủ điều kiện dự thi và có mặt trước giờ thi 15 phút để làm thủ tục dự thi;
- Sinh viên thi trực tuyến sẽ đăng nhập vào phòng thi bằng tài khoản Microsoft Teams của cá nhân do Trường cung cấp;
- Mọi thông tin liên quan, vui lòng liên hệ tổng đài 18001568 để được hỗ trợ giải đáp.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐT (để b/c);
- HĐTKTHP (để t/h);
- Các Ban HĐTKTHP (để t/h);
- Các Khoa (để t/h);
- Các phòng: QLĐT, HCNS, KT-TC;
TT.CSNH&TS, TT.CNTT(để phối hợp t/h)
- Lưu VT, KT&ĐBCL.

TM. HỘI ĐỒNG THI KTHP
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

PHẠM THỊ MINH NGUYỆT